CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG AN GIANG

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2017

CÔNG TY CP CẢNG AN GIANG
Digitally signed by CÔNG TY CP CẢNG AN GIANG
DN: email=cangangiang@gmail.com, 0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:1600125108, cn=CÔNG TY CP CẢNG AN GIANG, l=An Giang, c=VN
Date: 2018.03.29 14:48:42 +07'00'

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG

Địa chỉ: Quốc lộ 91, Tổ 15, Khóm Đông Thịnh B, Phường Mỹ Thạnh, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

Điện thoại: (0296) 3831447 – (0296) 3831535

Fax: (0296) 3831129

Email: cangmythoi@gmail.com

Website: www.angiangport.com.vn

MỤC LỤC

I THÔNG TIN CHUNG

II TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2017

III BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

IV ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

V QUẢN TRỊ CÔNG TY

VI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I. THÔNG TIN CHUNG

THÔNG TIN KHÁI QUÁT 6

NGÀNH NGHỀ ĐỊA BÀN KINH DOANH 11

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH, BỘ MÁY QUẢN LÝ 13

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN 15

CÁC RỦI RO 17

CHARLES ISLAND
NASSAU

CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG AN GIANG

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên Công ty	• CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG
Tên tiếng Anh	• AN GIANG PORT JOINT STOCK COMPANY
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP SỐ	• 1600125108 đăng ký lần đầu ngày 29/03/2011 và thay đổi lần thứ 01 ngày 11/01/2016 do Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh An Giang cấp
Vốn điều lệ	• 138.000.000.000 đồng
Địa chỉ	• Quốc lộ 91, Tổ 15, Khóm Đông Thịnh B, Phường Mỹ Thạnh, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
Điện thoại	• (0296) 3831 447 - 3831 535
Fax	• (0296) 3831 129
Mã Chứng khoán	• CAG
Website	• www.angiangport.com.vn

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

TIỀN THÂN

Cảng Mỹ Thới An Giang - một doanh nghiệp Nhà nước hoạt động trên lĩnh vực cảng biển, được thành lập theo quyết định số 138/QĐ.UB.TC ngày 05 tháng 04 năm 1985 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh An Giang.

NĂM 2011

Ngày 01/04/2011: chính thức chuyển thành Công ty cổ phần Cảng An Giang theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1600125108 do Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh An Giang cấp với vốn điều lệ là 138 tỷ đồng, trong đó Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang nắm giữ 52,98% vốn điều lệ.

NĂM 2015

Ngày 22/12/2015: Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang chính thức chuyển giao vốn Nhà nước nắm giữ tại CTCP Cảng An Giang về Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC).

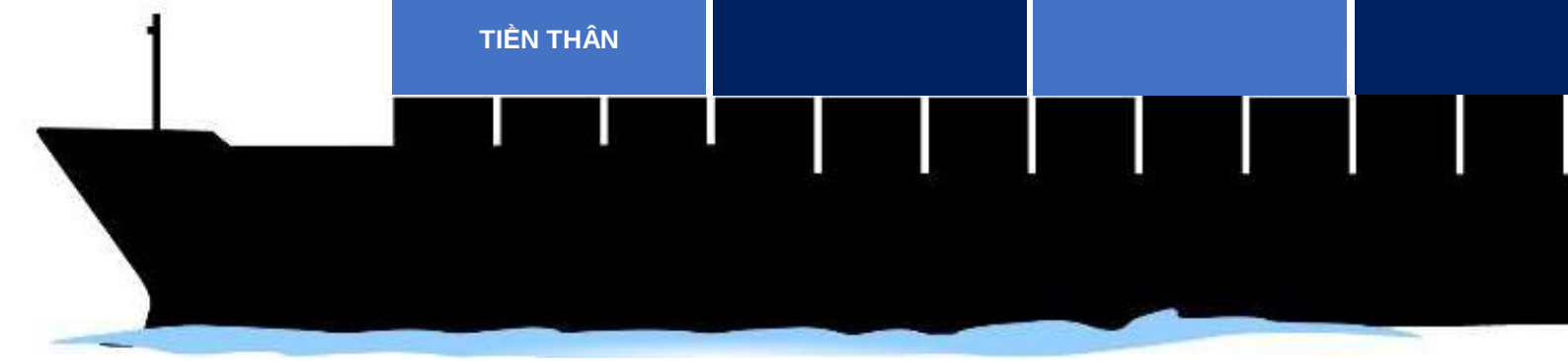

NĂM 2016

Thông qua việc thực hiện niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán (HNX) thuộc Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 25/11/2016.

NĂM 2017

Ngày 04/12/2017 là ngày đầu tiên Niêm yết thành công cổ phiếu CTCP Cảng An Giang tại Sở Giao dịch chứng Khoán Hà Nội với tổng số cổ phiếu niêm yết thành công là 13.800.000 cổ phiếu

THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

Huân chương lao động Hạng 2 cho thành tích giai đoạn 2005 - 2009

Tập thể lao động xuất sắc 5 năm liền (2005-2009).

Bằng khen về thành tích đóng góp trong chương trình nhà ở Mái ấm công đoàn giai đoạn 2007 – 2015 do UBND tỉnh An Giang trao tặng.

Danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc do UBND tỉnh An Giang trao tặng giai đoạn 2011 – 2012, 2013 – 2014.

Bằng khen về thành tích xuất sắc trong việc “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” do UBND tỉnh An Giang trao tặng năm 2011, 2012, 2013, 2014, 2015.

Huân chương lao động Hạng 2 cho thành tích giai đoạn 2011 – 2015

Bằng khen thành tích đóng góp quỹ khuyến học năm 2012 do UBND tỉnh An Giang trao tặng.

Bằng khen chấp hành tốt chính sách pháp luật thuế năm 2012, 2013, 2015 do Bộ trưởng Bộ Tài chính trao tặng

Bằng khen trong phong trào "Văn hóa – thể dục, thể thao" năm 2013 do Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam trao tặng.

Cờ thi đua về thành tích xuất sắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh, dẫn đầu khối thi đua do UBND tỉnh An Giang trao tặng năm 2013, 2015.

Cờ thi đua trong phong trào "Xanh – Sạch – Đẹp, bảo đảm an toàn vệ sinh lao động" năm 2014 do Liên đoàn lao động tỉnh An Giang trao tặng.

Bằng khen về thành tích thực hiện tốt chính sách BHXH, BHYT năm 2014 do BHXH Việt Nam trao tặng.

Bằng khen tổ chức, thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở do UBND tỉnh An Giang trao tặng năm 2014.

Bằng khen có nhiều đóng góp trong công tác xã hội từ thiện tại tỉnh An Giang do UBND tỉnh An Giang trao tặng năm 2014

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ

Dịch vụ hỗ trợ vận chuyển đường thủy;

Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;

Dịch vụ cung ứng nhiên liệu, nước ngọt, điện bờ, chèn lót và sửa chữa tàu biển;

Dịch vụ Logistics;

Hoạt động kho bãi;

Bốc xếp hàng hóa.

HOẠT ĐỘNG ĐẠI LÝ

Đại lý vận tải;

Đại lý Hải quan;

Đại lý xăng dầu;

Đại lý nhiên liệu, phân bón, lương thực, đồ uống, gỗ xây dựng và nguyên liệu xây dựng

Đại lý bia, nước giải khát;

Hoạt động của các đại lý vận tải hàng hóa đường biển, hoạt động của các đại lý hải quan, giao nhận hàng hóa;

Vận tải hàng hóa đường bộ bằng container;

Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa.

ĐỊA BÀN KINH DOANH

XÍ NGHIỆP

CẢNG BÌNH LONG

Địa chỉ: Khu công nghiệp Bình Long, Xã Bình Long, Huyện Châu Phú, Tỉnh An Giang.

XÍ NGHIỆP

VẬN TẢI BỘ

Địa chỉ: Quốc lộ 91, Tổ 15, Khóm Đông Thịnh B, Phường Mỹ Thạnh, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang.

XÍ NGHIỆP

CẢNG MỸ THỚI

Địa chỉ: Quốc lộ 91, Tổ 15, Khóm Đông Thịnh B, Phường Mỹ Thạnh, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang.

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ DOANH

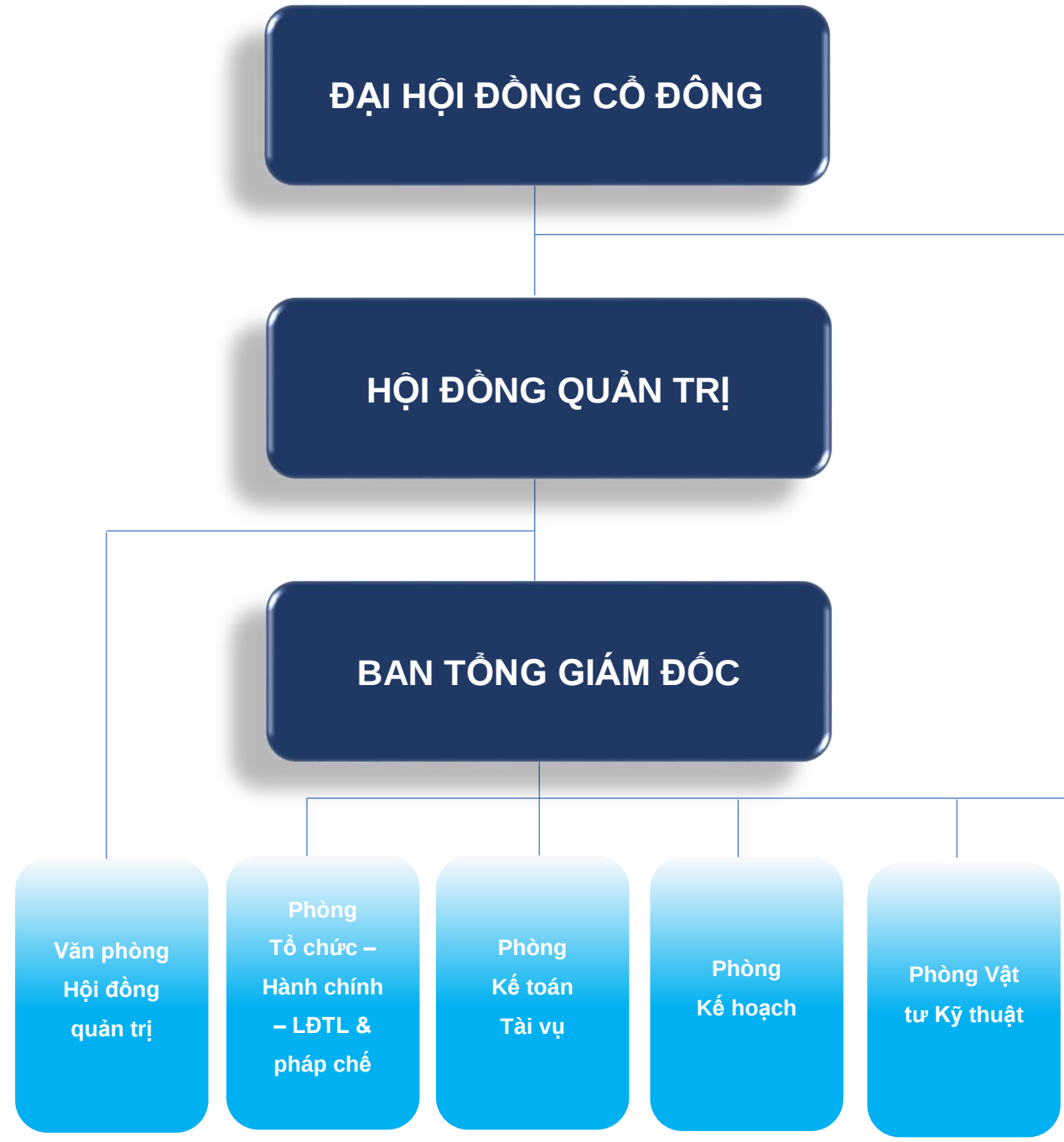

CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT:

Không có

BAN KIỂM SOÁT

- Trung tâm Logistics Cảng Mỹ Thới
- Phòng Dịch vụ Tổng hợp
- Xí nghiệp Cảng Mỹ Thới
- Xí nghiệp Vận tải bộ
- Xí nghiệp Cảng Bình Long

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

Đưa ra các chính sách đào tạo, phân phối nhân lực của Công ty. Phát triển các chính sách về mức lương cũng như chế độ hậu mãi cho cán bộ nhân viên để thu hút nguồn nhân tài. Xây dựng hệ thống, cơ chế quản lý bài bản hơn, tìm tòi, tiếp thu các kiến thức mới, nâng cao năng lực của ban quản trị Công ty, Ngoài ra, xây dựng nguồn nhân lực có kiến thức, chất lượng cao. Từ đó đảm bảo cho sự tồn tại và phát triển bền vững của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty luôn tập trung nâng cao năng lực của đội ngũ điều hành, giải quyết nhanh chóng các thủ tục cho các chủ hàng, chủ tàu, tránh việc nhân viên Công ty gây khó khăn, vòi vĩnh chủ hàng, từ đó mới có thể nâng cao giá trị thương hiệu và chất lượng dịch vụ của Công ty.

Ngoài ra, Công ty cũng tăng cường đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, cũng như áp dụng công nghệ mới vào đầu tư, sản xuất. Bên cạnh đó, Công ty còn tăng cường mở rộng hợp tác với nhiều đối tác, chủ hàng, cũng như các công ty có tiềm lực trong nước, v.v…. Không những vậy, Công ty còn xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp để nâng cao vị thế của Công ty trên thị trường gắn với Dự án đầu tư mở rộng Cảng Mỹ Thới, quy mô 4,1ha liền kề cảng hiện hữu.

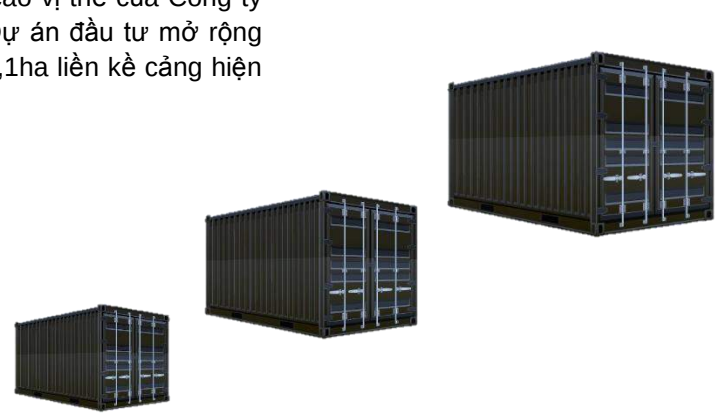

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

Tập trung mở rộng hai cụm cảng của Công ty là Cảng Mỹ Thới và Cảng Bình Long. Đồng thời phát triển hệ thống dịch vụ Logistics vận tải container để trở thành cảng trung tâm đầu mối cho Khu vực Đồng bằng sông Cửu Long nói riêng và cả nước nói chung.

Khai thác và tìm kiếm thêm các đối tác có tiềm năng không những ở khu vực phía Nam mà còn ở các tỉnh phía Bắc, đặc biệt là các công ty chuyên về lĩnh vực hàng hải và vận tải biển, nhằm khẳng định vị thế và vai trò của Cảng so với các Cảng khác.

Tập trung liên kết với các đầu mối quốc tế, đặc biệt là các nước ở vùng biên giới giáp ranh với tỉnh An Giang để phát triển khách hàng ở các quốc gia lân cận mà cụ thể là Cambodia

Giữ vững các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình cũng như mở rộng thêm nhiều hoạt động hơn bằng việc phát triển các sản phẩm dịch vụ mới đem lại hiệu quả cao hơn, tận dụng và khai thác tiềm năng sẵn có của Công ty về con người, cơ sở vật chất kỹ thuật cũng như lợi thế thị trường.

Nâng cao chất lượng dịch vụ. Đồng thời, Công ty cũng quan tâm đến đời sống nhân viên để từ đó tạo sự gắn bó của cán bộ nhân viên với Công ty.

CÁC RỦI RO

RỦI RO VỀ KINH TẾ

Năm 2017 nền kinh tế thế giới tiếp tục đà phục hồi. Theo báo cáo của Quỹ tiền tệ thế giới (IMF) năm 2017 tốc độ tăng trưởng của thế giới ước tính đạt 3.7%, cao hơn so với con số 3.2% của năm 2016. Trong bối cảnh đó các nền kinh tế lớn như Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, Liên Minh Châu Âu đều có mức tăng trưởng khả quan. Trong bối cảnh tăng trưởng của nền kinh tế thế giới, nền kinh tế Việt Nam cũng có những chuyển biến tích cực và rõ nét. Điển hình là tốc độ tăng trưởng GDP năm 2017 tăng 6,81% so với năm 2016, chỉ số CPI bình quân năm 2017 tăng 3,53% so với bình quân năm 2016, v.v…. Mặc dù nền kinh tế Việt Nam tăng trưởng nhưng vẫn còn gặp nhiều khó khăn do sự gia tăng của xu hướng chủ nghĩa dân túy, chủ nghĩa bảo hộ sản xuất, bảo hộ mậu dịch cũng như những chính sách thương mại của một số nước phát triển. Các xu hướng, chính sách trên đã ít nhiều tác động đến nền kinh tế Việt Nam. Ngoài ra, trong năm 2017 nền kinh tế Việt Nam vẫn tồn tại nhiều bất cập như chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động chưa cao, sức cạnh tranh thấp, cũng như những ảnh hưởng từ thiên tai, bão lũ, cũng có những tác động tiêu cực đến nền kinh tế Việt Nam. Bên cạnh đó, Công ty cổ phần Cảng An Giang lại chịu sự ảnh hưởng của nền kinh tế nên khi nền kinh tế có nhiều biến động khiến Công ty gặp nhiều khó khăn. Để hạn chế những tác động tiêu cực của nền kinh tế thì Công ty đã có những biện pháp như luôn theo dõi tình hình kinh tế Việt Nam và thế giới, từ đó đưa ra những giải pháp và phương án kinh doanh phù hợp.

RỦI RO CẠNH TRANH

Hệ thống cảng biển đóng một vai trò quan trọng đối với những quốc gia muốn phát triển kinh tế biển. Hiểu rõ được điều này nên trong những năm qua Việt Nam luôn thúc đẩy phát triển hệ thống cảng biển. Mặc dù Việt Nam có vị trí địa lý thuận lợi cho việc phát triển ngành cảng biển, tuy nhiên do chính sách phát triển chưa hợp lý của chính phủ đã khiến cho hệ thống cảng ở Việt Nam bị phân tán nhiều nhất trên thế giới. Nguyên nhân chủ yếu là do các cảng Việt Nam chủ yếu là các cảng nhỏ, ít cảng lớn. Ngoài ra, các cảng tại Việt Nam có số lượng nhà khai thác lớn, vị trí các cảng lại gần nhau. Điều này làm cho mức độ cạnh tranh giữa các doanh nghiệp kinh doanh cảng biển ngày càng cao. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp kinh doanh cảng biển thường có tỷ trọng tài sản cố định lớn, trong khi các máy móc thiết bị lại không thể sử dụng ở những phương án kinh doanh khác, hơn nữa dịch vụ cảng biển lại ít có sự khác biệt cũng làm cho áp lực cạnh tranh giữa các doanh nghiệp cảng biển ngày càng gia tăng. Để giảm thiểu những tác động tiêu cực của áp lực cạnh tranh thì Công ty đã có những biện pháp như luôn cố gắng tìm kiếm những khách hàng mới, mở rộng thị trường để cạnh tranh toàn diện với các doanh nghiệp cảng biển khác.

RỦI RO NGÀNH

Hiện nay ngành cảng biển Việt Nam đang đối mặc với các thách thức như hệ thống cảng biển manh mún và phân tán nhiều, các cảng khai thác không mấy hiệu quả. Ngoài ra, cơ sở hạ tầng lại chưa phát triển đồng bộ với hệ thống cảng biển khiến tình trạng ách tắc cục bộ thường xuyên diễn ra. Bên cạnh đó, trang thiết bị lạc hậu cũng như việc áp dụng công nghệ thông tin vào quản lý hệ thống cảng biển chưa được đồng đều khiến cho ngành cảng biển bị kìm hãm phát triển. Thêm vào đó chất lượng dịch vụ và chi phí thông quan vẫn cao làm ảnh hưởng đến lượng khách hàng của các cảng biển. Hơn nữa nguồn nhân lực có tay nghề của ngành cảng biển không nhiều, phần lớn lao động cảng biển hiện nay đều phải được đào tạo lại. Ngoài những điều kể trên thì ngành cảng biển còn phải đối mặc với những khó khăn như nhiều cụm cảng vẫn còn tình trạng dư công suất, áp lực giảm giá do tình hình ngành vận tải biển vẫn còn khó khăn. Trong bối cảnh tiêu cực đó của ngành thì Công ty đã có nhiều biện pháp để giảm thiểu những tác động tiêu cực của ngành đến Công ty như luôn tăng cường đào tạo nguồn nhân lực cho Công ty, nâng cao chất lượng dịch vụ, đưa thiết bị công nghệ vào hệ thống quản lý cảng, v.v…

RỦI RO LÃI SUẤT

Các doanh nghiệp cảng biển thường có tỷ trọng tài sản cố định cao trong khi các tài sản cố định lại có giá trị lớn. Bên cạnh đó, Công ty đang trong giai đoạn phát triển và mở rộng quy mô sản xuất do vậy Công ty cần nhiều vốn để đầu tư vào máy móc thiết bị, cơ sở hạ tầng nên Công ty thường sử dụng đòn bẩy tài chính khi cần thiết. Tuy nhiên, việc sử dụng đòn bẩy đem lại những tác động tiềm ẩn đến tình hình hoạt động của Công ty. Thêm vào đó, lãi suất năm 2017 có xu hướng đi ngang và sẽ tăng nhẹ vào năm 2018. Lãi suất tăng làm chi phí tài chính tăng lên, ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của Công ty. Nhằm hạn chế những tác động tiêu cực của biến động lãi suất, Công ty đã thực hiện các biện pháp như luôn theo dõi tình hình lãi suất, luôn đảm bảo tỷ lệ vay vốn ở mức an toàn, phù hợp với tình hình kinh doanh. Ngoài ra, Công ty luôn cố gắng kiểm soát và sử dụng nguồn vốn vay đúng mục đích để giảm thiểu những ảnh hưởng tiêu cực của biến động lãi suất.

RỦI RO VỀ LUẬT PHÁP

Là một doanh nghiệp cổ phần có vốn sở hữu Nhà nước nên Công ty chịu tác động của các văn bản luật như Nghị định 71/2006/NĐ-CP, Nghị định 118/2015/NĐ-CP, Nghị định số 37/2017/NĐ-CP,… Ngoài ra, Công ty được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội nên Công ty còn chịu ảnh hưởng bởi các văn bản luật như Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng khoán,… Trong khi đó, các văn bản luật tại Việt Nam đang trong giai đoạn sửa đổi nên hoạt động của Công ty ít nhiều cũng bị ảnh hưởng. Để giảm thiểu những tác động tiêu cực của việc thay đổi, chỉnh sửa của các văn bản luật thì Công ty đã có biện pháp thường xuyên theo dõi sự thay đổi của các văn bản pháp lý trên để đưa ra các chính sách hoạt động hợp lý.

RỦI RO KHÁC

Bên cạnh đó, Công ty còn chịu những tác động đến từ môi trường, thiên tai, v.v…. Đặc biệt trong năm 2017 tình hình biến đổi khí hậu thì Việt Nam đã phải hứng chịu những cơn bão mạnh và nhiều hơn những năm trước như bão Tembin, bão Damrey, v.v…. đã gây ra nhiều thiệt hại đối với ngành cảng biển. ngoài ra, những tác động từ chính trị như cuộc chiến giữa Triều Tiên và Hàn Quốc cũng ít nhiều ảnh hưởng đến tình hình hoạt động của Công ty. Những yếu tố trên là những yếu tố bất khả kháng và không lường trước được nhưng lại gây ra hậu quả nghiêm trọng về người và tài sản đối với Công ty. Nhằm hạn chế những tác động của yếu tố trên Công ty đã thực hiện các biện pháp như mua bảo hiểm tài sản, bảo hiểm cho nhân viên, nâng cao nhận thức của nhân viên để đảm bảo an toàn trong sản xuất, giảm thiểu tối đa thiệt hại khi những biến cố xảy ra.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2017

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 23

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ 27

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN 37

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH 38

TÌNH HÌNH CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU 41

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY 43

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Việt Nam là nước có vị trí thuận lợi để phát triển ngành cảng biển, sản lượng hàng hóa thông qua cảng biển tại Việt Nam tiếp tục đà tăng trưởng tốt (tốc độ bình quân trên 11%) và tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của cả nước trong năm 2017 tăng cao, điều này cho thấy triển vọng của các doanh nghiệp trong lĩnh vực cảng biển là rất khả quan. Tuy nhiên hiện nay tình trạng thừa cảng nhỏ và ít cảng lớn dẫn đến mức độ cạnh tranh trong ngành càng ngày càng gay gắt. Một đặc thù khác của ngành cảng biển là tài sản cố định luôn chiếm một tỷ trọng lớn và máy móc không có khả năng tận dụng ở các phương án kinh doanh khác. Dịch vụ ít sự khác biệt giữa các doanh nghiệp cũng là một yếu tố khiến áp lực cạnh tranh trong ngành gia tăng. Những điều này đã gây ra khó khăn chung cho ngành cảng biển Việt Nam nói chung và Công ty cổ phần Cảng An Giang nói riêng:

Chỉ tiêu	ĐVT	2016	KH 2017	Thực hiện 2017	Thực hiện 2017/Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017/Năm 2016
Sản lượng xuất khẩu	Tấn	326.828	450.000	510.341	113,41%	156,15%
Sản lượng nhập khẩu	Tấn	89.625	140.000	114.461	81,76%	127,71%
Sản lượng nội địa	Tấn	1.622.225	1.742.500	713.947	40,97%	44,01%
Container	Tấn	398.775	405.000	416.985	103,0%	104,57%
Khác	Tấn	16.433	12.500	10.363	82,90%	63,06%
Tổng cộng	Tấn	2.453.886	2.750.000	1.766.097	64,22%	71,97%

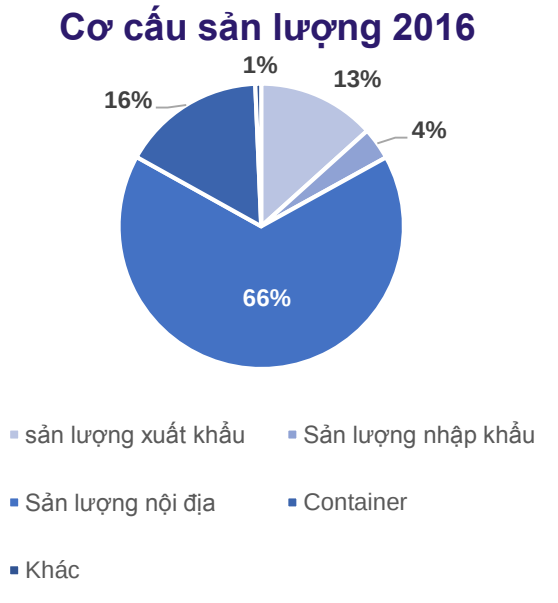

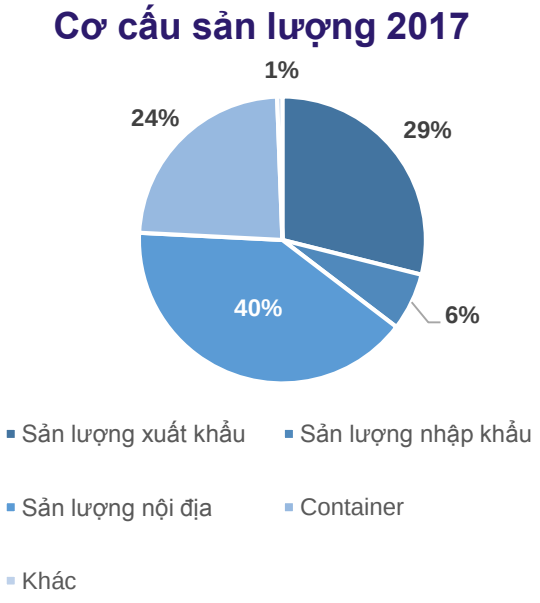

SẢN LƯỢNG HÀNG HÓA QUA CÁC NĂM

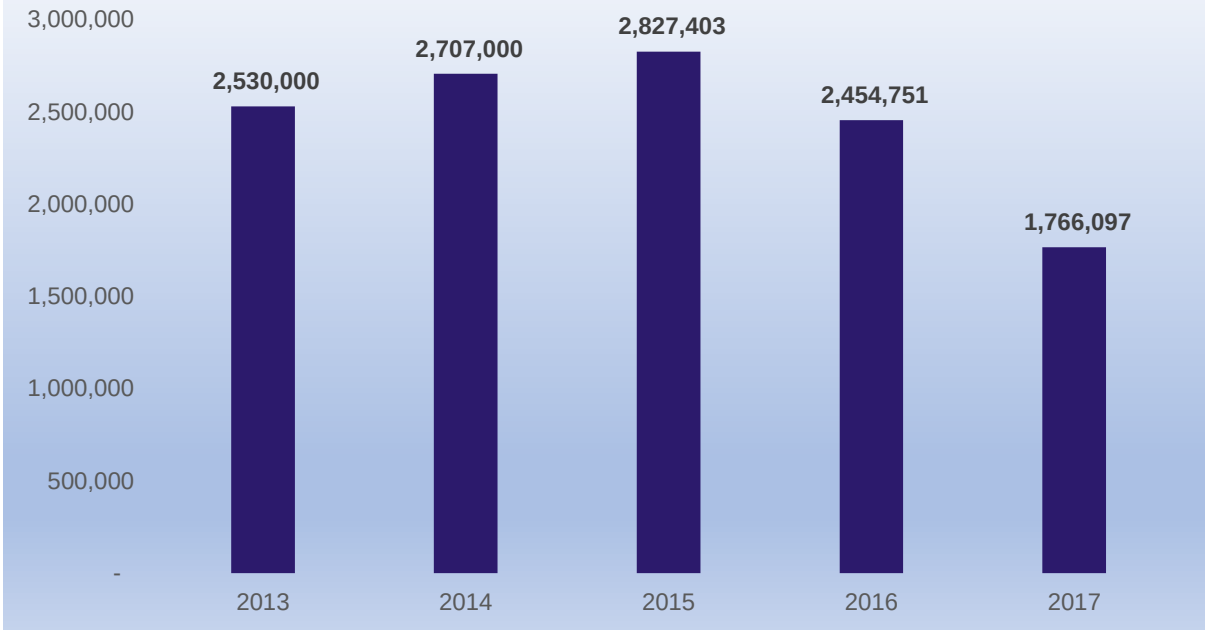

Sản lượng hàng hóa thông qua cảng năm 2017 là 1.766.097 tấn, chỉ đạt 64.22% so với kế hoạch đề ra, giảm 28,03% so với năm 2016. Năm qua, cơ cấu hàng hóa thông qua Cảng có sự thay đổi rõ rệt, các mặt hàng xuất khẩu, nhập khẩu và container đều tăng trưởng hơn so với cùng kỳ, trong khi đó sản lượng nội địa lại có xu hướng giảm so với năm 2016. Nguyên nhân là do trong năm Trung Quốc siết chặt chính sách nhập khẩu gạo qua đường tiểu ngạch, điều này làm sản lượng gạo nội xuất qua Cảng giảm mạnh, trong khi đó, chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 đặt ra cho mặt hàng gạo chiếm tỷ trọng cao (chiếm 44,45% tổng sản lượng hàng hóa thông qua Cảng) nên khi sản lượng gạo nội địa sụt giảm nghiêm trọng (chỉ đạt 35,5% KH) thì kéo theo sản lượng hàng hóa thông qua Cảng sụt giảm theo mặc dù các mặt hàng xuất khẩu, nhập khẩu và container có tăng trưởng hơn so với cùng kỳ nhưng vẫn không bù đắp sự thiếu hụt trên.

Bên cạnh đó, luồng vào Sông Hậu chưa ổn định, chưa tiếp nhận được tàu có tải trọng lớn vào Cảng để nhận hàng, làm cho sản lượng hàng hóa xuất khẩu (chủ yếu là gạo) phải trung chuyển lên các Cảng ở Tp. HCM xếp lên tàu lớn. Trong khi đó chỉ cách Cảng Mỹ Thới vài km trên cùng một đoạn Sông Hậu nhưng có đến 4 bến cảng cùng hoạt động nên cạnh tranh diễn ra gay gắt, nhất là việc cạnh tranh về giá do chi phí cố định của các công ty này thấp, đây là điều thách thức lớn đối với Công ty cổ phần Cảng An Giang trong việc giữ vững ổn định thị phần vùng nước và hiệu quả SXKD.

Ngoài ra, các đối thủ của Công ty cũng tập trung khai thác các mặt hàng như gạo đóng container tại bãi, tại nhà máy và vận chuyển container nhằm tạo chuỗi cung ứng toàn diện thì Công ty lại kết hợp với các đơn vị vận chuyển container khác để làm dịch vụ này nên giá cả chưa được linh hoạt, bên cạnh đó trạm thu phí BOT T2 Cần Thơ đi vào hoạt động làm ảnh hưởng đến giá thành vận chuyển container đối với khách hàng truyền thống của Cảng tại các khu vực Thốt Nốt – Cần Thơ và Kiên Giang.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2017

Các chỉ tiêu kế hoạch:

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2016	KH 2017	TH 2017	TH 2017 / KH 2017	TH2017/ TH2016
Tổng doanh thu	Tr. đồng	83.547	92.300	69.015	74,77%	82,61%
Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	14.369	15.400	3.985	25,88%	27,73%
Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	11.389	12.320	3.133	25,43%	27,51%

CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH VÀ THỰC HIỆN 2017

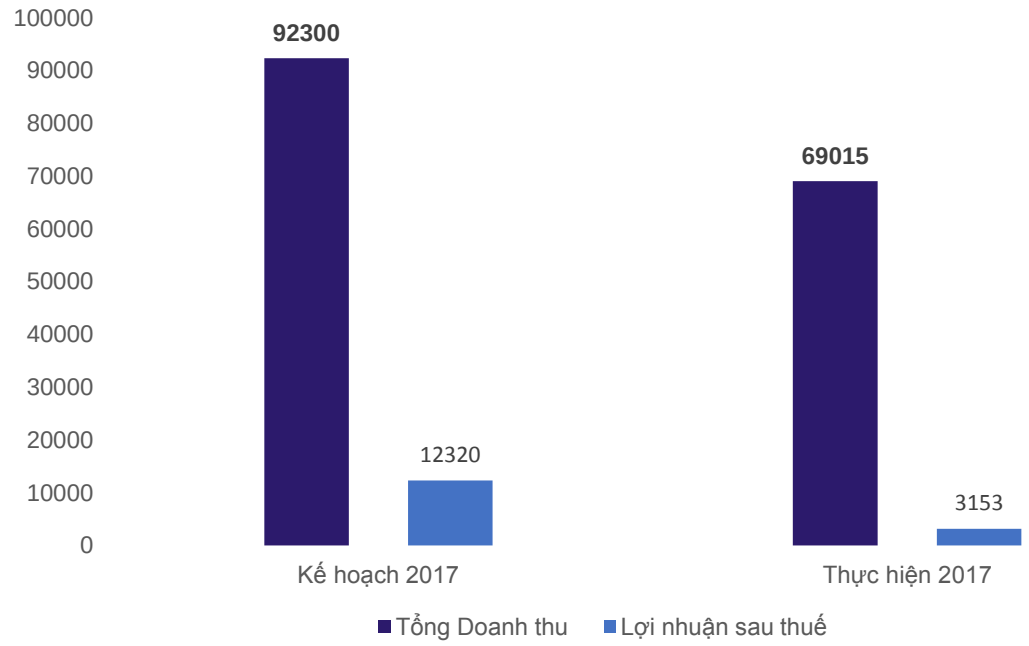

Tổng doanh thu năm 2017 đạt 69 tỷ đồng, đạt 74,77% so với kế hoạch đề ra từ đầu năm. Tình hình hoạt động kinh doanh khó khăn cùng với trong năm do trạm thu phí BOT T2 Cần Thơ đi vào hoạt động đã làm ảnh hưởng đến giá thành vận chuyển của Công ty từ đó dẫn đến giá vốn hàng bán tăng cao so với năm 2016. Cụ thể, tỷ lệ giá vốn hàng bán trên doanh thu bán hàng năm 2016 là 69,51%, trong khi năm 2017 tỷ lệ này là 77,55%. Doanh thu giảm và các chi phí có xu hướng tăng khiến cho lợi nhuận của Công ty giảm mạnh. Cụ thể, năm 2017, lợi nhuận sau thuế năm 2017 của Công ty là 3 tỷ đồng giảm 72,49% so với năm 2016, chỉ đạt 25,43% kế hoạch đã đề ra. Trong năm 2017, hàng hóa thông qua Cảng vẫn là các mặt hàng truyền thống như: Gạo xuất khẩu, gỗ nhập khẩu, gạo nội địa, clinker và container. Trong đó sản lượng các mặt hàng như gạo xuất khẩu, gỗ nhập khẩu và container thông qua Cảng đều tăng hơn so với cùng kỳ. Tuy nhiên các mặt hàng nội địa như: Gạo, gỗ, clinker so với cùng kỳ đều sụt giảm rất lớn.

Mặt dù năm 2017, Việt Nam trúng thầu và xuất khẩu một lượng lớn gạo vào các thị trường như Châu phi, Cuba, Bangladesh, Malaysia, Philippines, Timo, Hàn Quốc…Tuy nhiên lượng gạo xuất khẩu qua các thị trường trên thông qua Cảng Mỹ Thới lại không nhiều, nguyên nhân là do các Công ty xuất khẩu gạo tại các thị trường Châu phi, Cuba, Bangladesh, Philippines giao hàng bằng các tàu lớn tại các Cảng khu vực Thành phố HCM, do dự án kênh Quan Chánh Bố vẫn chưa khả thi, trên thực tế so với mục tiêu đề ra do luồng hẹp, dễ bị sạt lỡ và chỉ cho phép chạy tàu một chiều. Vì vậy các tàu có trọng tải lớn để vào Cảng trực tiếp nhận hàng xuất nhập khẩu không qua cụm cảng Tp.Hồ Chí Minh vẫn còn là kỳ vọng.

Bên cạnh những nguyên nhân bên thì tình hình hoạt động của Cảng Bình Long gặp nhiều khó khăn nên cũng khiến cho doanh thu của Công ty giảm. Trong đó, sản lượng chung lại chỉ đạt 83,3% so với cùng kỳ mặc dù các mặt hàng chủ lực thông qua cảng vẫn ổn định và có sự tăng trưởng như: gỗ (đạt 127,6% so cùng kỳ), cát đá (đạt 132,8% so cùng kỳ). Nguyên nhân của tình trạng này là do mặt hàng xi măng túi sang hướng xuất sang Campuchia không còn vì thị trường Campuchia không còn nhập loại hàng này. Nên mặc dù các loại hàng khác có tăng sản lượng nhưng không thể bù đắp được sự sụt giảm của mặt hàng Xi măng túi. Trước tình hình đó để tăng tính cạnh tranh, Công ty cũng đã điều chỉnh giảm giá một vài mặt hàng để hỗ trợ khách hàng, cũng như chủ động xây dựng những phương án kinh doanh phù hợp để thu hút được nhiều khách hàng hơn.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Họ và tên	Chức vụ
Lê Việt Thành	Chủ tịch HĐQT
Bùi Thành Hiệp	Phó chủ tịch HĐQT
Trần Văn Cam	Thành viên HĐQT
Trần Tấn Phong	Thành viên HĐQT
Nguyễn Việt Hùng	Thành viên HĐQT
Nguyễn Quốc Bảo	Thành viên HĐQT
Lê Văn Phúc	Thành viên HĐQT

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Họ và tên	Chức vụ
Nguyễn Thị Bạch Mai	Trưởng ban kiểm soát
Trần Thị Thu Trà	Thành viên Ban kiểm soát
Trần Thị Thúy Hạnh	Thành viên Ban kiểm soát

THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH

Họ và tên	Chức vụ
Bùi Thành Hiệp	Tổng giám đốc
Trần Văn Cam	Phó tổng giám đốc
Trần Tấn Phong	Phó tổng giám đốc
Nguyễn Văn Cơ	Kế toán trưởng
Nguyễn Thị Bạch Mai	Trưởng Ban công nợ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Lê Việt Thành – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Trình độ học vấn	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh; Kỹ sư kinh tế vận tải biển; Bằng quản lý rủi ro và doanh nghiệp bảo hiểm
Quá trình công tác	- Năm 1992 – 1993: Nhân viên giao nhận Cty Giao nhận và xếp dỡ kho bãi Nhà Bè - Năm 1993 – 1994: Kế toán viên xí nghiệp In Hải quan, Tổng Cục Hải quan - Năm 1994 – 2005: Chuyên viên; Trưởng phòng Bảo hiểm tài sản; Trưởng phòng bồi thường Cty Bảo hiểm TP.Hồ Chí Minh - Năm 2005 – 2007: Phó Tổng giám đốc Cty CP Bảo hiểm AAA - Năm 2007 đến nay: Phó Giám đốc; Đảng ủy viên; Bí thư chi bộ chi nhánh khu vực phía Nam – Tổng Công ty đầu tư kinh doanh vốn nhà nước; - Năm 2010 đến nay: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Dược phẩm TV PHARM - Năm 2013 đến nay: Chủ tịch Hội đồng thành viên Cty TNHH MTV Khai thác Khoáng sản Bà Rịa-Vũng Tàu. - Năm 2008 – 2014: Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Minh - Năm 2012 – 06/2015: Thành viên Hội đồng quản trị Cty CP Kho vận Miền Nam (Sotrans) - Từ 05/2016 đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Cảng An Giang.
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	- Phó Giám đốc Chinh nhánh khu vực phía Nam – Tổng Công ty đầu tư kinh doanh vốn nhà nước; - Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Dược phẩm TV PHARM; Người đại diện vốn. - Chủ tịch Hội đồng thành viên Cty TNHH MTV Khai thác Khoáng sản Bà Rịa-Vũng Tàu.
Số cổ phần sở hữu cá nhân	0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết

Ông Bùi Thành Hiệp – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

Trình độ học vấn	Cử nhân Tài chính Kế toán
Quá trình công tác	- Năm 1996 – 1998: Trưởng phòng Dịch vụ tổng hợp Cảng Mỹ Thới - Năm 1998 – 2000: Phó Giám đốc Cảng Mỹ Thới An Giang - Năm 2000 – 2011: Giám đốc Cảng Mỹ Thới An Giang - Tháng 04/2011 đến 04/2016: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Cảng An Giang - Tháng 05/2016 đến nay: Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	- Ủy viên thường vụ Đảng ủy Khối doanh nghiệp An Giang, Bí thư Đảng ủy CTCP Cảng An Giang - Ủy viên Ban chấp hành Hiệp hội Cảng biển Việt Nam
Số cổ phần sở hữu cá nhân	2.400 cổ phần, chiếm 0,02% số cổ phần có quyền biểu quyết

Ông Trần Tấn Phong – Thành viên Hội đồng quản trị

Trình độ học vấn	Cử nhân Kế toán
Quá trình công tác	- Năm 2004 – 2007: Phó phòng Kỹ thuật Vật tư Cảng Mỹ Thới - Năm 2007 – 2010: Q. Trưởng phòng Điều độ, Trưởng phòng Điều độ - Năm 20120 – 2011: Trưởng phòng Điều độ, Trưởng phòng điều độ - Tháng 04/2011 đến 04/2016: Thành viên Hội đồng Quản trị - kiêm Phó Tổng Giám đốc - kiêm Giám đốc XN Cảng Mỹ Thới CTCP Cảng An Giang - Tháng 05/2016 đến nay: Thành viên Hội đồng Quản trị - kiêm Phó Tổng Giám Công ty CP Cảng An Giang
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	- Đảng ủy viên - Đảng ủy CTCP Cảng An Giang
Số cổ phần sở hữu cá nhân	1.300 cổ phần, chiếm 0,01% số cổ phần có quyền biểu quyết

Ông Nguyễn Quốc Bảo – Thành viên Hội đồng quản trị

Trình độ học vấn	Cử nhân Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác	Năm 2011 – nay: Thành viên HĐQT CTCP Cảng An Giang
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phần sở hữu cá nhân	1.579.000 cổ phần, chiếm 11,44% số cổ phần có quyền biểu quyết

Ông Trần Văn Cam – Thành viên Hội đồng quản trị

Trình độ học vấn	Cử nhân Quản trị doanh nghiệp
Quá trình công tác	- Năm 2005 – 2007: Đội trưởng đội KĐGNHH.KH Cảng Mỹ Thới An Giang - Năm 2007 – 2010: Phó phòng Điều độ kiêm Đội trưởng Đội KĐGNHH.KH - Năm 2010 – 2011: Trưởng phòng TCHC-LĐTL - Tháng 04/2011 đến 04/2016: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng phòng TCHC – TĐTL - Từ 05/2016 đến nay: Thành viên Hội đồng Quản trị - kiêm Phó Tổng Giám đốc - kiêm Trưởng phòng TCHC-LĐTL-PC – kiêm Chánh Văn phòng HĐQT Công ty CP Cảng An Giang
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	- Đảng ủy viên - Đảng ủy CTCP Cảng An Giang - Chủ tịch Công đoàn CTCP Cảng An Giang
Số cổ phần sở hữu cá nhân	1.200 cổ phần, chiếm 0,01% số cổ phần có quyền biểu quyết
Số cổ phần đại diện phần vốn góp của Công đoàn Công ty cổ phần Cảng An Giang	117.000 cổ phần, chiếm 0,85% số cổ phần có quyền biểu quyết

Ông Nguyễn Việt Hùng – Thành viên Hội đồng quản trị

Trình độ học vấn	Kỹ sư Cơ khí
Quá trình công tác	- Năm 1969 – 1972: Chiến sĩ tỉnh đội An Giang - Năm 1972 – 1975: Trường học sinh Miền Nam - Năm 1982 – 2000: Phó Giám đốc Cảng Mỹ Thới, Giám đốc Cảng Mỹ Thới, Phó Giám đốc Sở Giao thông vận tải An Giang, Giám đốc Sở Giao thông Vận tải An Giang - Năm 2000 – 2010: Bí thư Thành ủy Thành phố Long Xuyên - Năm 2011 – nay: Thành viên HĐQT CTCP Cảng An Giang
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phần sở hữu cá nhân	Không có

Ông Lê Văn Phúc – Thành viên Hội đồng quản trị

Trình độ học vấn	Cử nhân Luật
Quá trình công tác	- Năm 1975: Giáo viên, cán bộ Phòng giáo dục Huyện Châu Thành, An Giang - Năm 1978: Tham gia quân đội - Năm 1983: Chuyển ngành về Công ty Xuất khẩu Long Xuyên - Năm 1986: Phó Giám đốc Công ty Lâm sản TP, Long Xuyên - Năm 1990: Làm việc tại Công ty Vật tư Tổng hợp An Giang - Năm 1994: Phó Phòng TCHN Công ty Xăng dầu An Giang - Năm 2005: Phó Trưởng ban Phát triển Cửa hàng Công ty Xăng dầu An Giang - Năm 2010: Trợ lý BGĐ về pháp luật Công ty Xăng dầu An Giang, Luật sư doanh nghiệp (Công ty TNHH MTV Xăng dầu An Giang) - Tháng 04/2011 – nay: Thành viên HĐQT CTCP Cảng An Giang
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Trưởng Văn phòng luật sư Lê Văn Phúc – Đoàn Luật sư tỉnh An Giang.
Số cổ phần sở hữu cá nhân	529.000 cổ phần, chiếm 3,83% số cổ phần có quyền biểu quyết

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Bà Trần Thị Thúy Hạnh – Thành viên Ban Kiểm soát

Trình độ học vấn	Cử nhân Anh văn
Quá trình công tác	- Năm 2006 – 2012: Nhân viên phòng Kế hoạch CTCP Cảng An Giang - Tháng 04/2012 – nay: Thành viên Ban Kiểm soát kiêm Nhân viên phòng Kế hoạch CTCP Cảng An Giang
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phần sở hữu cá nhân	400 cổ phần chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết

Bà Trần Thị Thu Trà – Thành viên Ban Kiểm soát

Trình độ học vấn	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	- Năm 04/2004 – 12/2006: Chuyên viên tín dụng Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Tháng 01/2007 – 06/2008: Phó Giám đốc Tài chính - thành viên HĐQT CTCP Bảo hiểm Bảo Tín - Tháng 04/2011 – 03/2014: Thành viên Ban kiểm soát CTCP Cơ khí Ngân hàng - Tháng 04/2012 đến nay: Thành viên HĐQT CTCP Thủy Sản Cửu Long - Tháng 07/2008 đến nay: Chuyên viên đầu tư Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước – Chi nhánh khu vực phía Nam - Tháng 05/2016 đến nay: Thành viên Ban kiểm soát CTCP Cảng An Giang.
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Thành viên HĐQT Công ty CP Thủy Sản Cửu Long
Số cổ phần sở hữu cá nhân	Không có

Bà Nguyễn Thị Bạch Mai – Trưởng Ban Kiểm soát

Trình độ học vấn	Cử nhân Tài chính Kế toán
Quá trình công tác	- Năm 1993 – 1994: Phó Phòng Kế toán Cảng Mỹ Thới - Năm 1994 – 2001: Kế toán trưởng Cảng Mỹ Thới - Năm 2001 – 2010: Phó Giám đốc Cảng Mỹ Thới - Tháng 04/2011 – nay: Trưởng Ban Kiểm soát kiêm Trưởng ban thu hồi công nợ CTCP Cảng An Giang
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Phó Bí thư – Đảng ủy CTCP Cảng An Giang
Số cổ phần sở hữu cá nhân	2.700 cổ phần, chiếm 0,02% số cổ phần có quyền biểu quyết

THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH

Họ và tên	Chức vụ
Bùi Thành Hiệp	Tổng giám đốc (Xem ở sơ yếu lý lịch Thành viên HĐQT)
Trần Văn Cam	Phó tổng giám đốc (Xem ở sơ yếu lý lịch Thành viên HĐQT)
Trần Tấn Phong	Phó tổng giám đốc (Xem ở sơ yếu lý lịch Thành viên HĐQT)
Nguyễn Văn Cơ	Kế toán trưởng
Nguyễn Thị Bạch Mai	Trưởng ban công nợ (Xem ở sơ yếu lý lịch Thành viên BKS)

Ông Nguyễn Văn Cơ – Kế Toán trưởng

Trình độ học vấn	Cử nhân Kế toán doanh nghiệp
Quá trình công tác	- Năm 2001 – 2003: Đội trưởng Đội cung ứng Dịch vụ Cảng Mỹ Thới An Giang - Năm 2003 – 2006: Phó phòng Kế toán tài vụ Cảng Mỹ Thới An Giang - Năm 2006 – 2007: Q. Trưởng phòng Kế toán tài vụ Cảng Mỹ Thới An Giang - Năm 2007 – 2011: Trưởng phòng Kế toán tài vụ Cảng Mỹ Thới An Giang - Tháng 04/2011 đến 04/2016: Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng, Trưởng phòng Kế toán Tài vụ CTCP Cảng An Giang. - Từ 5/2016 đến nay: Kế toán trưởng; Trưởng phòng Kế toán Tài vụ CTCP Cảng An Giang.
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	- Đảng ủy viên - Đảng ủy CTCP Cảng An Giang
Số cổ phần sở hữu cá nhân	1.800 cổ phần, chiếm 0,01% số cổ phần có quyền biểu quyết

THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH

Không có

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN

STT	Tính chất phân loại	Số lượng	Tỷ lệ
A	**Theo trình độ**	**170**	**100%**
1	Trên Đại học		
2	Đại học	34	20.00%
3	Cao đẳng	8	4.71%
4	Khác	128	75.29%
B	**Theo tính chất hợp đồng lao động**	**170**	**100%**
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	42	24.71%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	125	73.53%
3	Hợp đồng theo thời vụ (công nhật)	3	1.76%

Cơ cấu lao động theo trình độ

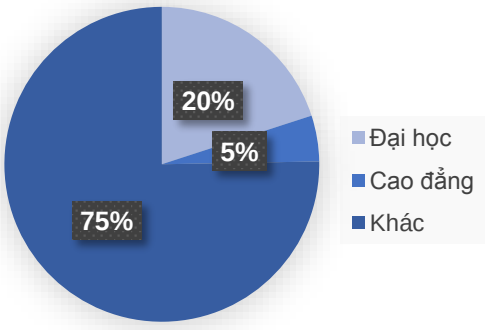

Cơ cấu lao động theo tính chất hợp đồng

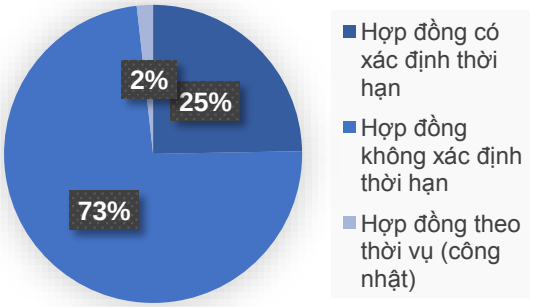

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2017

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
Tổng số lượng cán bộ công nhân viên	Người	222	205	170
Thu nhập bình quân	Đồng/người/ tháng	6.800.000	6.800.000	5,200,000

TỔNG SỐ LƯỢNG CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN

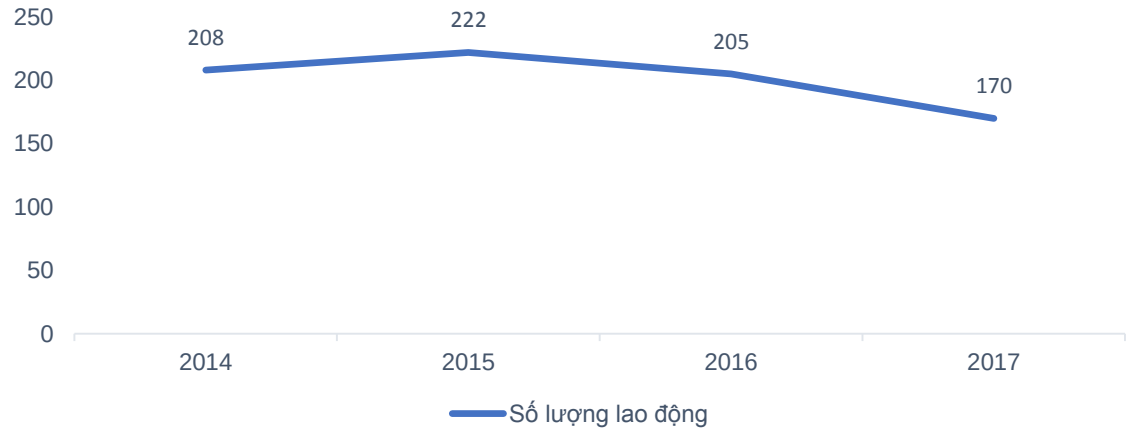

THU NHẬP BÌNH QUÂN

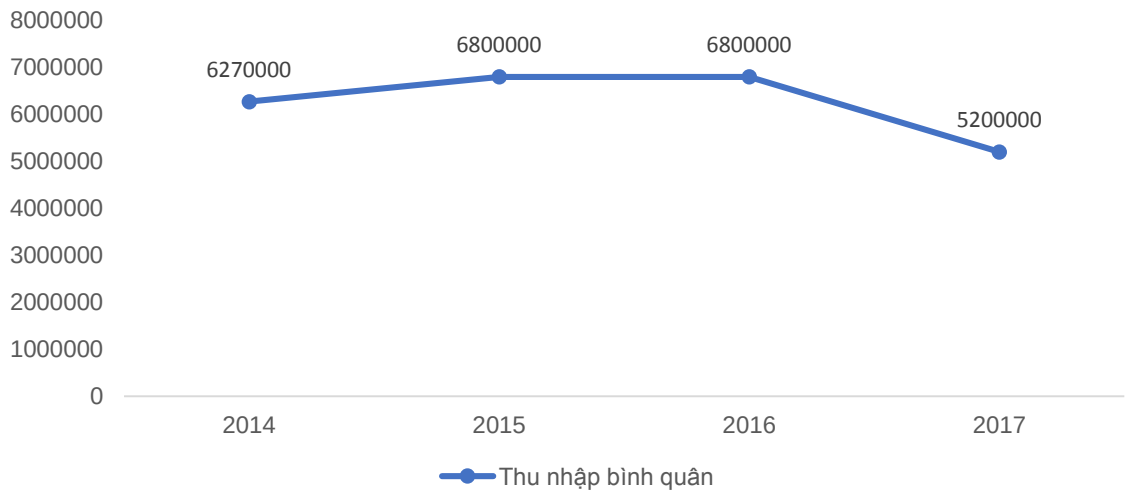

CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Về chính sách đào tạo

Công ty luôn hiểu rõ nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao chính động lực để Công ty có thể phát triển bền vững nên Công ty luôn nâng cao kiến thức, năng lực, trình độ chuyên môn cho cán bộ nhân viên của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty cũng nâng cao các kỹ năng khác cho cán bộ nhân viên để có thể thực hiện được mục tiêu chuyên nghiệp hóa đội ngũ nhân viên, từ đó đáp ứng những yêu cầu phát triển của Công ty.

Ngoài ra, hàng năm Công ty luôn xây dựng kế hoạch cũng như tổ chức đào tạo cho nhân viên, từ đó phát triển đội ngũ kế thừa.

Bên cạnh đó, mỗi vị trí, chức danh công việc của từng bộ phận đều có những tiêu chuẩn đào tạo riêng và đều được thực hiện theo quy định cũng như nhu cầu đào tạo của Công ty.

Các cán bộ nhân viên sau khi ký kết hợp đồng lao động với Công ty đều được tham gia các lớp đào tạo nghiệp vụ theo kế hoạch đào tạo hằng năm hoặc đào tạo theo yêu cầu của đơn vị. Ngoài ra, Công ty cũng có các chính sách hỗ trợ học phí đối với những cán bộ nhân viên có sự tìm tòi, học hỏi, nâng cao năng lực chuyên môn.

Chính sách lương, thưởng, trợ cấp

Chính sách lương và phụ cấp

Hiện nay, Công ty đang áp dụng chính sách lương theo từng bộ phận để có thể khuyến khích hiệu quả sản xuất của các đơn vị đó. Bên cạnh đó, Công ty cũng ban hành và thường xuyên sửa đổi chính sách lương để phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty tại từng thời điểm cụ thể để tạo động lực làm việc cho đội ngũ cán bộ nhân viên, người lao động của Công ty.

Ngoài ra, Công ty còn có các chính sách phụ cấp cho cán bộ nhân viên của Công ty như: Phụ cấp độc hại, phụ cấp công tác, v.v….Các khoản phụ cấp này giúp cho cán bộ nhân viên Công ty yên tâm công tác và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Chính sách khen thưởng

Để tạo động lực làm việc cho cán bộ nhân viên thì Công ty đã thực hiện các chính sách như chính sách khen thưởng cho các cán bộ nhân viên có thành tích tốt trong công việc, khen thưởng cho các bộ phận đạt hiệu quả sản xuất kinh doanh cao. Cụ thể là: tháng lương 13, thưởng theo thành tích đạt được, thưởng sáng kiến kỹ thuật, v.v…

Chế độ chính sách khác

Ngoài các chính sách về lương, thưởng, phụ cấp nêu trên thì Công ty còn thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN theo quy định của pháp luật. Bên cạnh đó, Công ty cũng thực hiện các chế độ phúc lợi như: thưởng các ngày lễ lớn như Tết dương lịch, Kỷ niệm ngày thành lập Công ty, tổ chức các hoạt động nghỉ dưỡng cho cán bộ nhân viên Công ty hàng năm, v.v….Không những vậy, Công ty còn duy trì và bảo đảm các chế độ khác cho nhân viên Công ty như: Chi tiền ăn giữa ca, cấp phát đồng phục, trang bị đầy đủ các dụng cụ bảo hộ lao động, khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ nhân viên của Công ty. Ngoài ra, Công ty cũng hỗ trợ tiền, tặng quà cho cán bộ nhân viên nữ trong những ngày đặc biệt như ngày Quốc tế phụ nữ, ngày thành lập Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Tổng kinh phí đầu tư xây dựng & mua sắm trang thiết bị, CCDC trong năm 2017 là: 1.253.308.990 đồng.

Trong đó:

- Nâng cấp bãi cứng chứa hàng khu B (số 2) : 963.308.990 đồng
- Hai tổ máy phát điện <70KVA hiệu DENYO : 290.000.000 đồng

Ngoài ra, Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng cơ bản công ty thường xuyên mở các cuộc họp trao đổi và tìm ra phương hướng đầu tư các trang thiết bị nhằm mang lại hiệu quả cao nhất.

Công ty con, công ty liên kết: Không có

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	161,753	153,161	-5.31%
Doanh thu thuần	82,245	67,837	-17.52%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	14,516	3,681	-74.64%
Lợi nhuận khác	-147	0.124	-100.08%
Lợi nhuận trước thuế	14,369	3,985	-72.27%
Lợi nhuận sau thuế	11,389	3,134	-72.48%

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

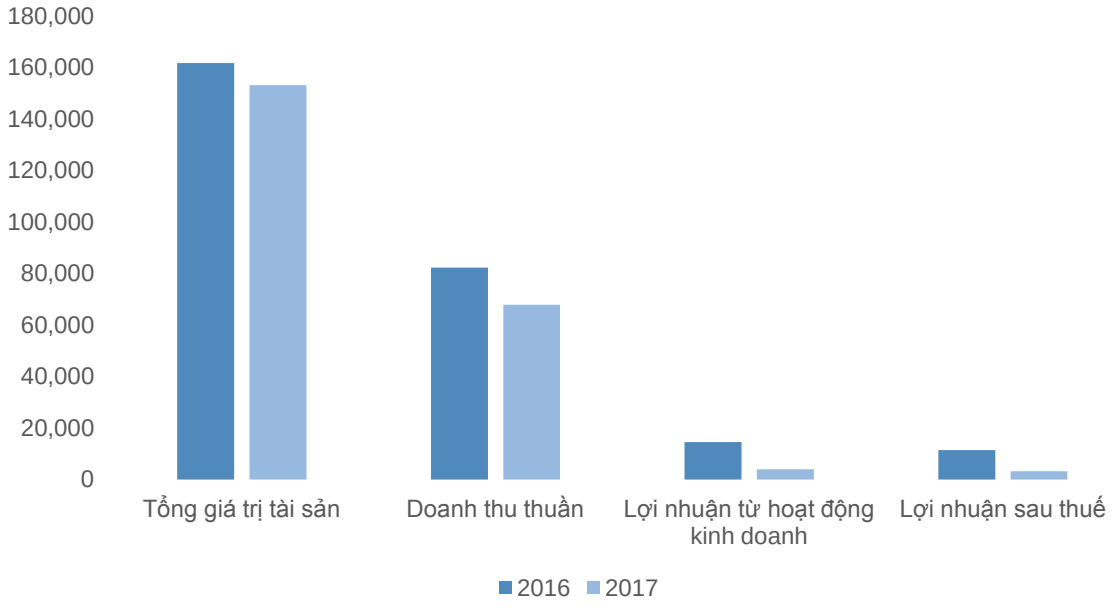

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	6,25	7.82
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	5,94	7.42
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	5,88	4.98
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	6,25	5.24
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Lần	28,52	21.00
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0,51	0.43
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	13,85	4.62
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	7,48	2.15
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	7,04	2.05
Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	17,65	5.69
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng/cổ phiếu	734	198

CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN

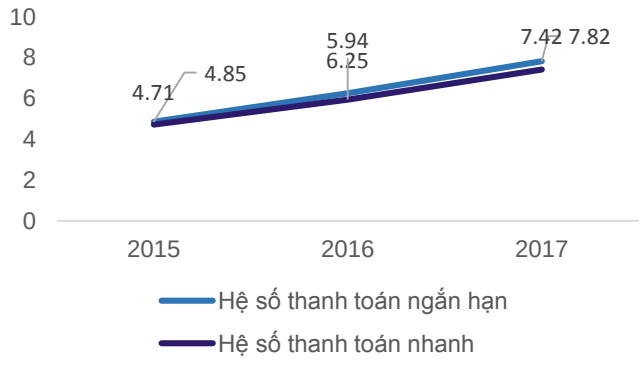

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán của Công ty trong năm 2017 đang có xu hướng tăng. Nguyên nhân chủ yếu là do Tài sản lưu động và hàng tồn kho lần lượt tăng 0.53% và 3.22%, trong khi nợ ngắn hạn lại giảm 19.71%. Bên cạnh đó, nhóm hệ số này đều lớn hơn 1, cho thấy khả năng thanh toán của Công ty luôn được đảm bảo. Trong đó, khoản mục có tính thanh khoản cao như tiền chiếm 36.24% cho thấy Công ty có thể đảm bảo khả năng thanh toán nợ đến hạn.

CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN

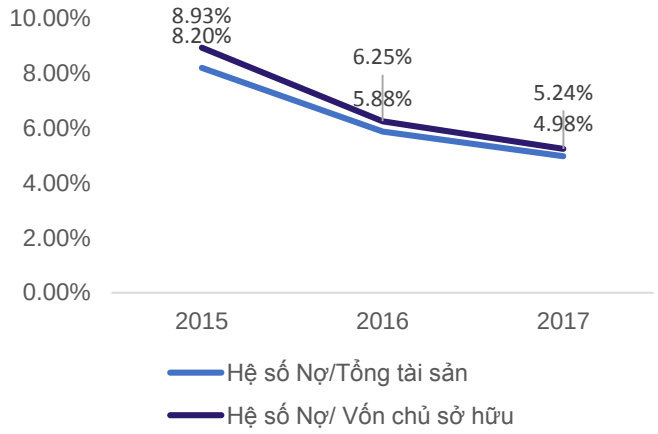

Tại thời điểm cuối năm 2017, chỉ tiêu về cơ cấu vốn của Công ty đang có sự thay đổi theo hướng giảm tỷ trọng nợ. Cụ thể, Hệ số Nợ/ Tổng tài sản giảm 0.9%, Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu 1.01%. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn giảm là do Nợ phải trả của Công ty giảm mạnh 19.79%, trong khi; tổng tài sản của Công ty chỉ giảm 5.31% và vốn chủ sở hữu giảm 4.41%.

CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

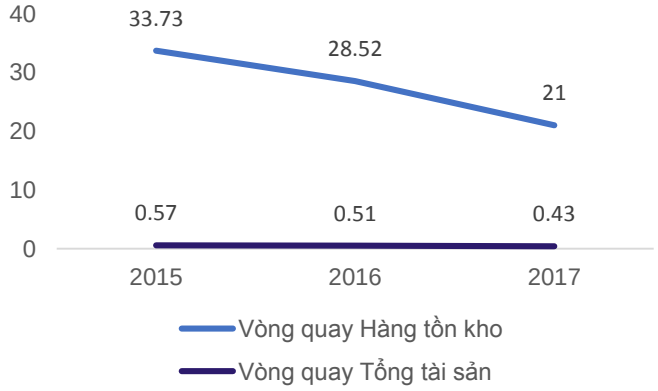

Với chỉ tiêu về năng lực hoạt động thì ta có thể thấy được các hệ số của chỉ tiêu này đều giảm mạnh. Chỉ tiêu này giảm mạnh chủ yếu là do ảnh hưởng từ việc Trung Quốc thay đổi chính sách nhập khẩu làm sản lượng hàng hóa qua cảng giảm dẫn đến việc doanh thu thuần giảm 17.52%. Ngoài ra, các chỉ số như Giá vốn hàng bán, Tổng tài sản lần lượt giảm 7.98% và 5.31%, trong khi Hàng tồn kho chỉ tăng 3.22% nên đã làm các chỉ số này giảm nhẹ. Mặc dù còn gặp nhiều khó khăn, nhưng với sự nỗ lực cũng như khả năng lãnh đạo của Ban Tổng giám đốc đã giúp Công ty thay đổi để thích nghi trong giai đoạn khó khăn này.

CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI

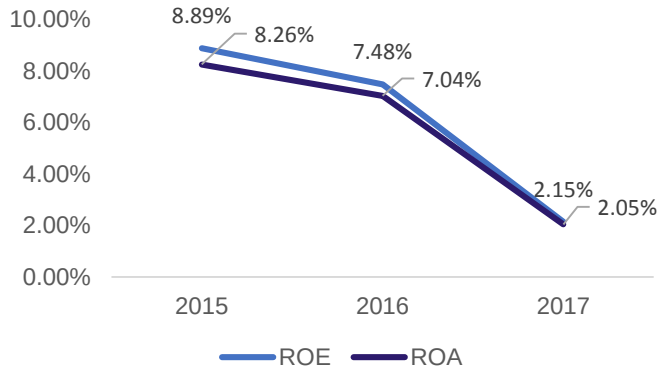

Trong năm 2017, Công ty gặp khó khăn lớn do luồng vào Sông Hậu chưa ổn định, chưa tiếp nhận được tàu có tải trọng lớn vào Cảng để nhận hàng, làm cho sản lượng hàng hóa xuất khẩu (chủ yếu là gạo) phải trung chuyển lên các Cảng ở Tp. HCM xếp lên tàu lớn; thêm vào đó tình hình cạnh tranh gay gắt với Tân Cảng Thốt Nốt cũng là nguyên nhân khiến lợi nhuận năm nay của Công ty giảm mạnh, điều này khiến cho nhóm chỉ tiêu về khả năng sinh lời của Công ty trong năm qua có xu hướng giảm.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI ĐẦU TƯ VỐN CHỦ SỞ HỮU

CỔ PHẦN

Tổng số lượng CP	13.800.000 CP
Loại CP đang lưu hành	Cổ phần phổ thông
Số lượng CP đang lưu hành	13.800.000 CP
Số lượng CP cổ phiếu quỹ	0 CP
Số lượng CP bị hạn chế chuyển nhượng	0 CP
Mệnh giá	10.000đ/CP

STT	Loại cổ đông	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu CP
I	**Cổ đông Nhà nước**	**7.311.600**	**52,98%**
II	**Cổ đông nội bộ**	**226.700**	**1,64%**
III	**Cổ đông trong nước**	**6.261700**	**45.38%**
	Cá nhân	*2.045.700*	*14,83%*
	Tổ chức	*4.216.000*	*30,55%*
IV	**Cổ đông nước ngoài**	**-**	**-**
	Cá nhân	-	-
	Tổ chức	-	-
	Tổng cộng	**13.800.000**	**100%**

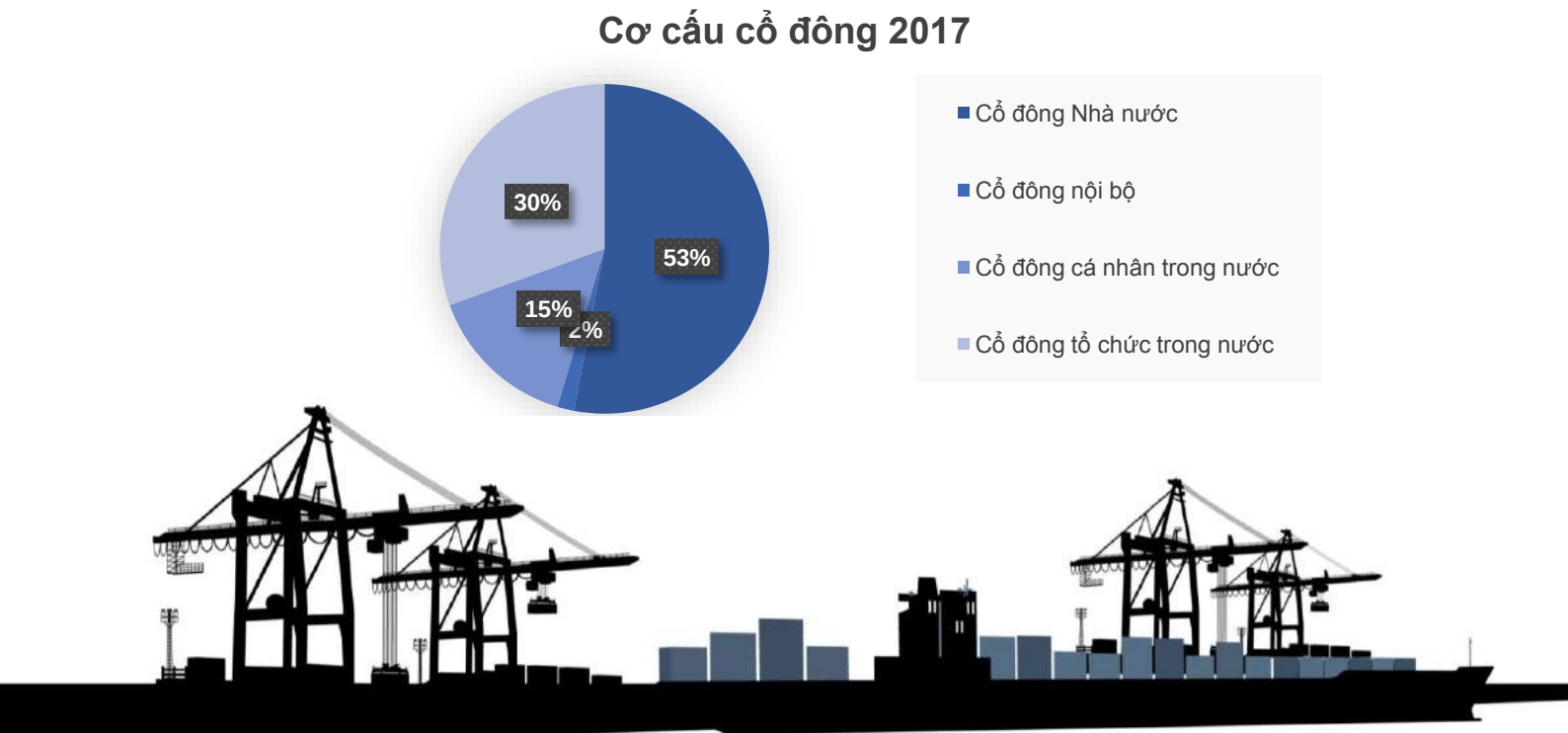

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

STT	Tên	Số lượng cổ phần	Giá trị *(nghìn đồng)*	Tỷ lệ *(%)*
1	Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	7.311.600	73.116.000	52,98%
2	Công ty TNHH MTV XNK Hùng Anh	1.579.000	15.790.000	11,44%
3	CTCP VTT Tân Cảng	800.000	8.000.000	5,80%
4	CTCP GENTRACO	697.700	6.977.000	5,06%
5	Cao Lương Tri	700.000	7.000.000	5,07%
	Tổng cộng	**11.088.300**	**110.883.000**	**80,35%**

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Lĩnh vực / Nguyên liệu	Sản xuất		Kinh doanh	
	Khối lượng (lít)	Giá trị (đồng)	Khối lượng (lít)	Giá trị (đồng)
Dầu DO	372.643	4.336.711.153	634.500	7.406.208.800
Nhớt các loại	8.015	400.750.000	1.624	81.200.000
Điện	417.893 KW tương đương 675 triệu đồng			
Nước sinh hoạt	5.753 m3 tương đương 63 triệu đồng			

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Hiện nay nguồn tài nguyên thiên nhiên đang dần cạn kiệt. Trong khi đó, nguồn năng lượng hiện nay chủ yếu là xuất phát từ nguồn tài nguyên thiên nhiên, nên việc cạn kiệt nguồn tài nguyên sẽ dẫn đến việc thiếu hụt nguồn năng lượng. Điều này đã đặt ra bài toán cho nhân loại về tiết kiệm năng lượng toàn cầu. Theo dự báo của EIA thi đến năm 2030 thì mức tiêu thụ năng lượng toàn cầu dự kiến sẽ tăng lên 55%. Nhu cầu tăng lên nhưng nguồn tài nguyên lại đang cạn kiệt đã gây ra sự thiếu hụt nẳng lượng nghiêm trọng. Vì vậy, vấn đề tiết kiệm năng lượng đang là vấn đề cấp thiết hiện nay.

Nhận thấy được điều này nên trong những năm qua Công ty đã sử dụng nhiều biện pháp để tiết kiệm nguồn năng lượng như sử dụng các thiết bị tiết kiệm điện; bảo trì, bảo dưỡng các máy móc thiết bị thường xuyên để tránh tình trạng tiêu hao năng lượng do thiết bị quá cũ hoặc quá nóng, v.v…. Bên cạnh đó, Công ty cũng thường nâng cao ý thức của cán bộ nhân viên Công ty về tiết kiệm năng lượng trong hoạt động sản xuất kinh doanh, cũng như giảm thiểu chi phí sử dụng năng lượng của Công ty.

TIÊU THỤ NƯỚC

Nước là thành phần quan trọng trong đời sống con người. Tuy nhiên, hiện nay nguồn nước đang được sử dụng một cách lãng phí, gây thiết hụt nguồn nước. Hiểu rõ được điều này nên trong những năm vừa qua Công ty đã thực hiện nhiều biện pháp để tiết kiệm nguồn nước như kiểm tra đường ống dẫn nước thường xuyên; tránh tình trạng nước bị rò rỉ hay thất thoát, tận dụng nguồn nước mưa để có thể giảm thiểu được chi phí của Công ty. Ngoài ra, Công ty cũng tăng cường giáo dục, nâng cao kiến thức của cán bộ nhân viên Công ty về tiết kiệm nguồn nước.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Hiện nay tình trạng ô nhiễm môi trường đang có xu hướng gia tăng. Nhiều nhà máy, xí nghiệp đã không thực hiện đúng những quy định của Nhà nước về bảo vệ môi trường gây ra nhiều bức xúc trong xã hội. Trong bối cảnh đó, những năm qua Công ty luôn thực đúng các quy định của Nhà nước về môi trường. Không những vậy, Công ty cũng đưa ra các quy định chặt chẽ để tránh tình trạng các chủ tàu xả rác bừa bãi cũng như vấn đề ô nhiễm nguồn nước do đầu máy, đồ dùng sinh hoat của các chủ tàu xả ra tại Cảng. Công ty có bộ phận dịch vụ gom rác thải sinh hoạt trên các tàu. Ngoài ra, Công ty cũng thường cải tạo môi trường để tránh những tác động tiêu cực đến môi trường có thể xảy ra trong tương lai. Với quan niệm bảo vệ môi trường là bảo vệ cho cuộc sống, chính sức khỏe của chúng ta, Công ty luôn nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của cán bộ nhân viên Công ty cùng với các khách hàng để có thể bảo vệ môi trường sống cho thế hệ mai sau.

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Tương thân tương ái là một truyền thống quý báu của đất nước ta, một dân tộc với niềm yêu thương và sự đùm bọc lẫn nhau đã tồn tại và mang những hiểu biết ý nghĩa sâu sắc. Tiếp bước tinh thần văn hóa nước ta, Công ty cổ phần cảng An Giang năm qua đã có những hoạt động thiết thực với công đồng địa phương như tặng quà thăm hỏi bà mẹ Việt Nam Anh Hùng trong tỉnh, phát động và thực hiện chương trình đền ơn đáp nghĩa, ủng hộ xây dựng cầu đường nông thôn, ủng hộ đồng bào miền Trung, v.v…

Chính sách liên quan đến người lao động

Người lao động chính là yếu tố quan trọng trong sự phát triển của một công ty. Hiểu rõ điều này nên những năm qua Công ty Cổ phần Cảng An Giang luôn chú trọng các chính sách đối với người lao động về vật chất và tinh thần. Trong năm 2017, Công ty luôn có những kế hoạch hỗ trợ, tổ chức các đợt tập huấn cho các cán bộ nhân viên của Công ty. Để có thể tiếp cận được các công nghệ mới, khảo sát thực tế tại các cảng lớn nhằm nâng cao kiến thức cũng như học tập kinh nghiệm sản xuất kinh doanh. Bên cạnh đó, Công ty cũng mở các lớp huấn luyện về an toàn lao động cũng như các lớp kỹ năng về bốc xếp hàng hóa cho các công nhân bốc xếp thủ công của Công ty.

Ngoài ra, Công ty còn thực hiện các chính sách lương, thưởng cũng như phụ cấp phù hợp cho từng bộ phận của Công ty nhằm kích thích khả năng sản xuất của từng đơn vị. Bên cạnh đó, Công ty cũng thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về bảo hiểm cho cán bộ nhân viên Công ty như bảo hộ lao động, khám sức khỏe định kỳ, v.v….

III. BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 47

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH 51

CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ 53

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI 55

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY 57

EIMSKIP

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2017

TÌNH HÌNH CHUNG TRONG NĂM 2017

Năm 2017 nền kinh tế thế giới đã có sự khởi sắc mạnh mẽ. Cụ thể, tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) trên toàn cầu đã bắt đầu phục hồi trở lại. Bên cạnh đó, sự cải thiện của thị trường lao động cũng giúp cho tiêu dùng cá nhân trên thế giới tăng. Điều này sẽ làm tăng nhu cầu về hàng hóa, giúp cho hoạt động vận chuyển hàng hóa tại hệ thống các cảng biển sôi động hơn. Trong bối cảnh đó của nền kinh tế thế giới, nền kinh tế Việt Nam trong năm 2017 cũng đã đạt được nhiều thành tựu. Mặc dù, nền kinh tế Việt Nam vẫn còn gặp nhiều khó khăn như giá thịt lợn giảm mạnh, thiên tai, bão lũ liên tục xảy ra nhưng với sự chỉ đạo kiệp thời, và quyết liệt của Chính phủ thì tình hình kinh tế - xã hội năm 2017 đã có những chuyển biến tích cực và rõ nét. Đặc biệt, Tổng sản phẩm trong nước năm 2017 ước tính tăng 6.81% so với năm 2016. Thêm vào đó, sản lượng vận tải hàng hóa năm 2017 đã tăng 9.8%. Ngoài những yếu tố trên thì kim ngạch hàng hóa xuất khẩu và nhập khẩu của Việt Nam năm 2017 lần lượt tăng 21.1% và 20.8%. Kim ngạch hàng hóa xuất, nhập khẩu tăng cho thấy nhu cầu tiêu dùng của người dâu tăng lên, việc này cũng góp phần giúp cho ngành cảng biển Việt Nam phát triển hơn.

Tuy nền kinh tế Việt Nam đang tăng trưởng nhưng kinh tế của tỉnh An Giang vẫn còn gặp nhiều khó khăn do những diễn biến khôn lường của thời tiết, biến đổi khí hậu. Ngoài ra, 2 mặt hàng chủ lực của tỉnh An Giang là gạo và thủy sản vẫn còn gặp nhiều khó khăn về giá và thị trường. Trong khi đó, hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty lại chịu nhiều ảnh hưởng của những biến động về kinh tế của tỉnh An Giang, nên khi nền kinh tế gặp khó khăn sẽ khiến cho hoạt động của Công ty cũng gặp nhiều khó khăn. Dù còn gặp nhiều khó khăn nhưng với những nỗ lực, cùng với những chính sách lãnh đạo đúng đắn của Đảng ủy, cũng như sự chỉ đạo, điều hành của Ban Tổng Giám đốc Công ty và sự quan tâm hỗ trợ của các cơ quan hữu quan, khách hàng, chủ tàu, đại lý. Cộng thêm sự quyết tâm của tập thể CB – CNV người lao động trong toàn Công ty nên Công ty vẫn giữ được khách hàng truyền thống, giữ vững thị phần hàng hóa trong năm 2017.

THUẬN LỢI

Ban lãnh đạo của Công ty luôn theo dõi tình hình sản xuất kinh doang của Công ty để có thể đưa ra các chính sách kịp thời và phù hợp với tình hình của Công ty, từ đó nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty. Với những diễn biến phức tạp của tình hình kinh tế, xã hội như hiện nay; Ban Tổng Giám đốc đã đưa ra các biện pháp hữu hiệu nhằm động viên các cán bộ, nhân viên và người lao động cùng nhau giữ vững thương hiệu của Công ty. Bên cạnh đó, cùng với đội ngũ nhân viên nhiệt tình, cũng như những công nhân cơ giới có tay nghề cao cùng với nhiều năm kinh nghiệm, và lực lượng công nhân thủ công đã tạo nên sức mạnh giúp Công ty đạt được những thành tựu như hiện nay.

Không những vậy, Công ty còn nhận được nhiều sự quan tâm, chỉ đạo kịp thời của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC), cùng với sự ủng hộ của sở ban ngành, và sự hỗ trợ của các cơ quan quản lý nhà nước như: Cảng Vụ Hàng Hải An Giang, Cảng Vụ Đường Thủy Nội Địa, Hải Quan cửa khẩu Cảng Mỹ Thới, Đồn Biên Phòng cửa khẩu Cảng Mỹ Thới, Kiểm Dịch Y Tế Quốc Tế, Kiểm Dịch Thực Vật, v.v.... Và đặc biệt là sự kết hợp chặt chẽ với các chủ hàng, chủ tàu, đại lý nên Công ty đã có thể phát huy được tối đa về châm ngôn: “năng suất – chất lượng – an toàn – hiệu quả”.

KHÓ KHĂN

Bên cạnh những thuận lợi nêu trên thì Công ty vẫn còn gặp nhiều khó khăn khi thị trường gạo – mặt hàng vận chuyển chủ lực của Công ty trong năm 2017 gặp nhiều khó khăn, mà nguyên nhân chính là do sự thay đổi chính sách nhập khẩu của Trung Quốc, siết chặt nhập khẩu gạo qua đường tiểu ngạch và tăng cường rào cảng qua đường chính ngạch. Điều này đã khiến sản lượng gạo thông qua cảng giảm mạnh. Ngoài ra, các tàu có tải trọng lớn chưa được tiếp nhận vào Cảng để nhận hàng do luồng vào Sông Hậu chưa ổn định, làm cho sản lượng hàng hóa xuất khẩu qua Cảng giảm phải trung chuyển lên các Cảng ở Tp.HCM xếp lên tàu lớn. Mặc khác, trên một đoạn Sông Hậu có đến 4 bến cảng cùng hoạt động nên cạnh tranh diễn ra gay gắt, đã đặt ra nhiều thách thức lớn đối với Công ty trong việc giữ vững ổn định thị phần vùng nước và hiệu quả SXKD. Trong khi khách hàng truyền thống cũng gặp nhiều khó khăn trong kinh doanh nên đã yêu cầu Cảng chia sẻ khó khăn, giảm cước dịch vụ nếu không được đáp ứng yêu cầu sẽ chuyển cảng khác.

MỘT SỐ CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2016	TH 2017	TH 2017/ TH 2016
Tổng sản lượng hàng hóa thông qua	**Tấn**	**2,454,751**	**1,766,097**	**-28.05%**
- Sản lượng xuất khẩu	Tấn	327,453	510,341	55.85%
- Sản lượng nhập khẩu	Tấn	89,453	114,461	27.96%
- Sản lượng nội địa	Tấn	1,509,731	713,947	-52.71%
- Container	Tấn	399,015	416,985	4.50%
- Khác	Tấn	129,099	10,363	-91.97%
Tổng doanh thu	**Tr. đồng**	**83,547**	**69,015**	**-17.39%**
Lợi nhuận trước thuế	**Tr. đồng**	**14,369**	**3,985**	**-72.27%**
Lợi nhuận sau thuế	**Tr. đồng**	**11,389**	**3,134**	**-72.48%**

SẢN LƯỢNG HÀNG HÓA THÔNG QUA NĂM 2016

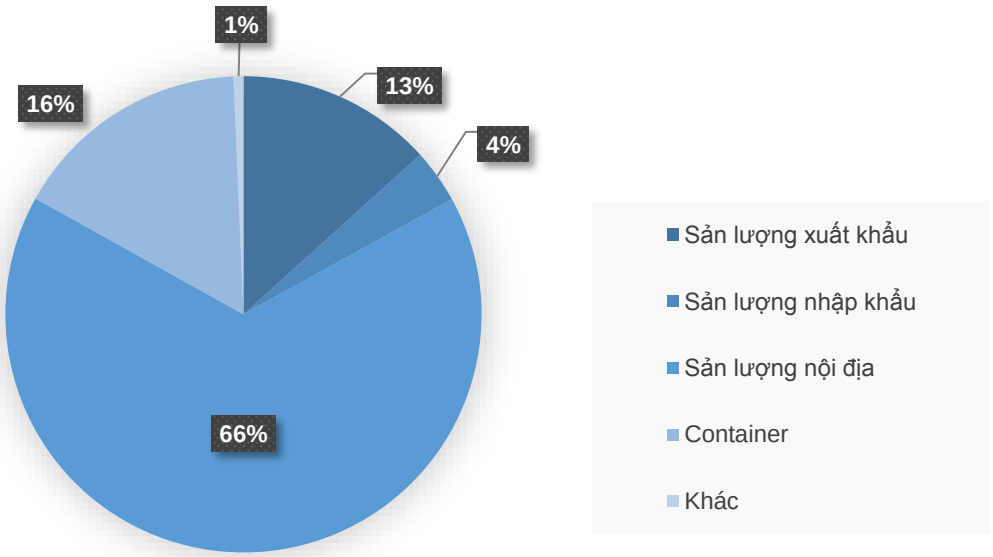

SẢN LƯỢNG HÀNG HÓA THÔNG QUA NĂM 2017

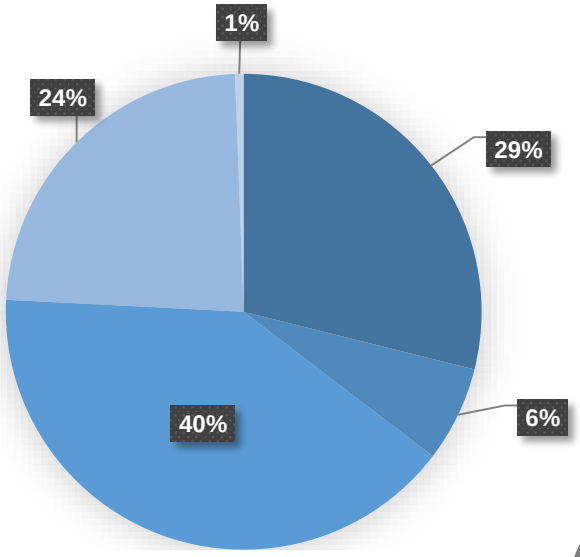

Sản lượng hàng hóa thông qua Cảng năm 2017 giảm mạnh so với năm 2016. Cụ thể, tổng sản lương năm 2017 chỉ đạt 64.22% so với kế hoạch đề ra và giảm 28.03% so với tổng sản lượng năm 2016. Trong đó, sản lượng Xuất khẩu, Nhập khẩu và Container lần lượt tăng 56.15%, 27.71%, 4.57%. Các sản lượng trên tăng là do các mặt hàng truyền thống của Công ty như gạo xuất khẩu, gỗ nhập khẩu và container xuất quả Cảng năm qua đều có xu hướng tăng. Tuy nhiên sản lượng xuất qua cảng các mặt hàng nội địa như: Gạo, gỗ, clinker so với cùng kỳ đều sụt giảm rất lớn. Do vậy, khối lượng tăng của sản lượng xuất nhập khẩu và Container vẫn chưa bù đắp được sự sụt giảm của sản lượng hàng nội địa. Nguyên nhân của sự sụt giảm nội địa chủ yếu là do mặt hàng gạo nội địa giảm. Năm qua, tuy tình hình hoạt động kinh doanh gặp nhiều khó khăn nhưng Ban lãnh đạo Công ty vẫn cố gắng để đạt được mục tiêu mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra từ đầu năm.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Chỉ tiêu	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2017 so với năm 2016
	Giá trị (Tr. đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (Tr. đồng)	Tỷ trọng (%)	
Tài sản ngắn hạn	49,213	30,42%	49,475	32.30%	100.53%
Tài sản dài hạn	112,540	69,58%	103,686	67.70%	92.13%
Tổng tài sản	**161,753**	**100,00%**	**153,161**	**100%**	**96,5%**

Cơ cấu tài sản 2016

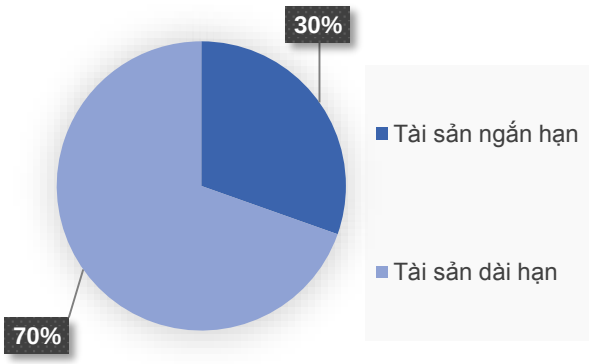

Cơ cấu tài sản 2017

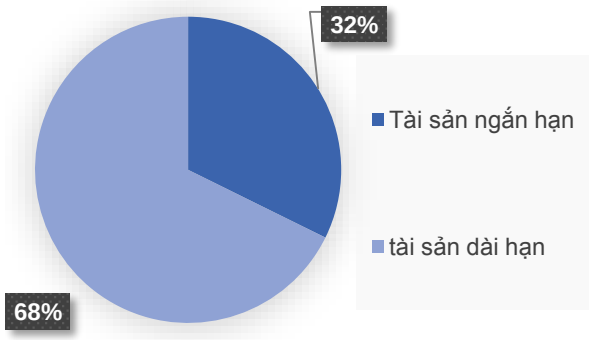

Năm 2017, Tổng tài sản của Công ty Cổ phần Cảng An Giang đã giảm 5.31%. Nguyên nhân chính là do tài sản ngắn hạn chỉ tăng 0.53% trong khi tài sản dài hạn lại giảm 7.87%. Trong khi đó, tài sản dài hạn lại chiếm tỷ trọng 67.7% nên đã khiến tổng tài sản của Công ty giảm. Tài sản dài hạn giảm chủ yếu là do tài sản dài hạn khác giảm mạnh (69.61%), và tài sản cố định giảm 7.03%. Tài sản của Công ty tăng nhẹ vì lượng tiền mặt của Công ty đã tăng 5.1 tỷ đồng tương ứng với 39.87%, hàng tồn kho tăng 3.22% nhưng các chỉ tiêu các khoản phải thu ngắn hạn và tài sản ngắn hạn khác lại giảm lần lượt là 25.41% và 32.22%.

TÌNH HÌNH NỢ

Chỉ tiêu	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2017 so với năm 2016
	Giá trị (Tr. đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (Tr. đồng)	Tỷ trọng (%)	
Nợ ngắn hạn	7,875	82.80%	6,323	82.88%	80.29%
Nợ dài hạn	1,636	17.20%	1,306	17.12%	79.83%
Nợ phải trả	**9,511**	**100.00%**	**7,629**	**100.00%**	**80.21%**

Cơ cấu nợ năm 2016

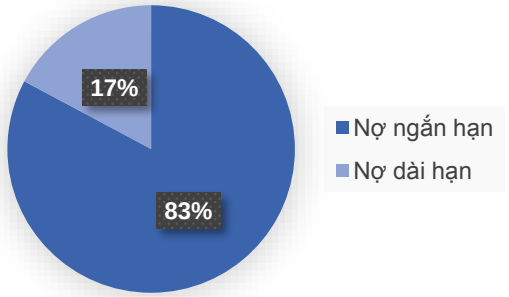

Cơ cấu nợ năm 2017

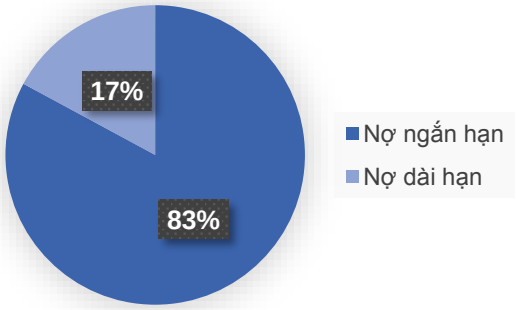

Tại thời điểm cuối năm 2017, tổng nợ phải trả của Công ty là 7,6 tỷ đồng, giảm 19,71% so với năm 2016. Nguyên nhân chủ yếu là do nợ ngắn hạn giảm, cụ thể trong cơ cấu nợ ngắn hạn tại thời điểm cuối năm 2017 thì khoản mục phải trả người bán tăng 182,04% trong khi đó khoản mục phải trả người lao động giảm 39,37%, khoản mục quỹ khen thưởng, phúc lợi giảm 97,94% so với cùng kỳ năm 2016. Ngoài ra, trong năm Công ty cũng tập trung thanh toán các khoản nợ dài hạn dẫn đến khoản mục vay và nợ thuê tài chính dài hạn giảm 57,16% so với năm 2016.

CẢI TIẾN CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ

VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ, KHAI THÁC ĐIỀU HÀNH

Mặc dù tình hình hoạt động của Công ty vẫn còn gặp nhiều khó khăn nhưng với sự chỉ đạo kịp thời của Ban Điều hành Công ty cùng với sự nỗ lực của Cán bộ công nhân viên của Công ty đã cố gắng khắc phục khó khăn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Bên cạnh đó, Công ty cũng tiếp tục đẩy mạnh công tác tiếp thị, nhằm tìm kiếm nguồn khách hàng mới. Thêm vào đó, Công ty cũng đã nâng cao chất lượng dịch vụ để có thể giữ chân được các khách hàng truyền thống của Công ty. Ngoài ra, Công ty cũng đã quan tâm, chăm sóc và nâng cao mối quan hệ gắn bó với khách hàng. Để có thể giữ vững và mở rộng thị phần thì trong năm qua, Ban Lãnh đạo Công ty luôn theo dõi tình hình biến động của thị trường, nhờ vào đó Công ty có thể chủ động thay đổi các chính sách lãnh đạo phù hợp, kịp thời trong tình hình cạnh tranh gay gắt như hiện nay, cũng như có thể xây dựng thương hiệu của Công ty.

Công tác tổ chức điều hành sản xuất khoa học hợp lý, đảm bảo năng suất xếp dỡ, thực hiện giải phóng tàu theo yêu cầu của khách hàng, đúng kế hoạch, không để xảy ra tình trạng tàu chờ. Bố trí cầu bến phù hợp theo yêu cầu sản xuất, chủ động bố trí tàu lai phục vụ tàu ra vào cầu, bến phao an toàn. Tăng cường công tác kiểm tra giám sát thực hiện nội quy an toàn lao động, quy trình xếp dỡ, tận dụng khai thác tối đa cầu bến, đảm bảo năng suất lao động.

Tổ chức sản xuất hợp lý, điều động phương tiện sản xuất phù hợp với công việc cụ thể của từng mặt hàng nhằm tiết kiệm thời gian và chi phí sản xuất. Thường xuyên kiểm tra bảo dưỡng định kỳ các phương tiện, thiết bị sản xuất để kịp thời phát hiện những hư hỏng để sửa chữa tránh bị động trong sản xuất.

Tiếp tục tập trung đổi mới công tác quản trị, phương pháp điều hành, tập trung rà soát lại các khoản chi phí, đảm bảo tiết kiệm chi phí, kinh doanh có hiệu quả.

Hàng tuần Ban điều hành Công ty họp giao ban với lãnh đạo các phòng chuyên môn nghiệp vụ của công ty và giám đốc các Xí nghiệp để nắm lại tình hình sản xuất kinh doanh đồng thời có những chỉ đạo kịp thời để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

VỀ CÔNG TÁC KỸ THUẬT

Công tác bão trì, sữa chữa được duy trì thường xuyên, xưởng sửa chữa đảm bảo công tác bảo dưỡng, sửa chữa kịp thời các phương tiện sản xuất không để bị động trong sản xuất. Không kể giờ giấc khi nào cần bộ phận kỹ thuật cũng có mặt để khắc phục phương tiện kịp thời, nhất là các phương tiện xuất nhập container bị sự cố vào ban đêm.

Công tác chuyên môn kỹ thuật, thực hành tiết kiệm luôn được quan tâm, đôn đốc thực hiện nghiêm túc. Tiến hành triển khai tiết kiệm nhiên liệu, vật liệu trên cơ sở định mức kỹ thuật. Rà soát các dự toán sửa chữa phương tiện sản xuất và dự án đầu tư mua sắm, xây dựng và bảo dưỡng phương tiện trước khi trình Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

VỀ CÔNG TÁC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Tổng kinh phí đầu tư xây dựng & mua sắm trang thiết bị, CCDC trong năm 2017 là: 1.253.308.990 đồng.

Trong đó:

- Nâng cấp bãi cứng chứa hàng khu B (số 2) : 963.308.990 đồng
- Hai tổ máy phát điện <70KVA hiệu DENYO : 290.000.000 đồng

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Theo nhận định của Đảng ủy, Ban Tổng Giám đốc Công ty cùng với việc nắm bắt thông tin từ chủ hàng, chủ tàu, đại lý... cho thấy tình hình sản xuất kinh của Công ty vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức. Gạo nội địa tiếp tục sụt giảm do Trung Quốc thay đổi chính sách nhập khẩu, trong khi đó gạo xuất khẩu phần lớn khách hàng vẫn giao hàng bằng tàu lớn hoặc đóng container tại các Cảng ở Tp. HCM để giảm chi phí. Với sản lượng hàng hóa ngày càng sụt giảm nhưng trên một đoạn sông Hậu chỉ cách nhau vài kilomet có đến 5 nhà khai thác cùng ngành hoạt động khiến áp lực cạnh tranh ngày càng tăng. Với vị trí các cảng gần nhau đã dẫn đến sự cạnh tranh gay gắt về giá. Mặt khác do đặc thù của ngành cảng biển là tài sản cố định luôn chiếm một tỷ trọng lớn, chi phí khấu hao cao nên tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu không cao. Bên cạnh đó thời tiết không ổn định cũng làm ảnh hưởng đến năng xuất xếp dỡ hàng hóa, đóng container và thời gian quay vòng của các tàu. Bênh cạnh đó Kênh Quan Chánh bố tiếp tục được duy tu nạo vét để đưa tàu có trọng tải lớn vào Sông Hậu nhận hàng của các doanh nghiệp xuất khẩu theo hợp đồng thương mại sang các thị trường như Malaysia, Philippines, Timo, Hàn Quốc…sẽ tăng lên. Cùng với chất lượng dịch vụ ngày càng cao, được khách hàng tin tưởng, ủng hộ. Sự liên doanh liên kết chặt chẽ với các đơn vị dịch vụ logistic cùng với sự hỗ trợ của các cơ quan hữu quan và sự quyết tâm của toàn thể CB – CNV trong toàn Công ty sẽ thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu kế hoạch đề ra trong năm 2018.

MỘT SỐ ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2018

Công tác khai thác tiếp tục giữ vững nguồn hàng truyền thống thông qua Cảng, tăng cường quan hệ giữ vững thị phần đồng thời mở rộng khai thác nguồn hàng mới thay thế gạo nội địa.

Tiếp tục quan hệ với các Công ty xuất khẩu gạo theo hợp đồng thương mại sang thị trường Malaysia, Philippin, Timo, Hàn Quốc đưa tàu từ 4.000 đến 7.000 tấn đến cảng xếp dỡ.

Luôn chủ động tìm khách hàng mới, đáp ứng nhu cầu khách hàng bằng chất lượng dịch vụ tốt nhất. Nâng cao năng suất xếp dỡ, đảm bảo an toàn về người, hàng hóa và phương tiện.

Hợp tác chặt chẽ với các đơn vị Logistic tìm kiếm khách hàng, có chính sách giá hợp lý để khách hàng đưa hàng đến Cảng đóng container cũng như vận chuyển container đến kho khách hàng để đóng hàng, mở tuyến vận chuyển container đi các tỉnh lân cận như Kiên Giang, Cần Thơ, Tiền Giang…

Khai thác triệt để cầu tàu, bến phao, dịch vụ lai dắt, dịch vụ cung ứng tàu biển và các dịch vụ hàng hải khác.

Nâng cao chất lượng đóng container gạo tại bãi, đảm bảo số lượng hàng hóa chất xếp, vệ sinh khu vực đóng hàng, cầu cảng, điều độ hiện trường luôn có mặt theo dõi trong quá trình đóng hàng và gắn camera giám sát việc đóng hàng cho khách hàng.

GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

Tăng cường công tác quản lý Công ty, rà soát, sắp xếp lại nhân sự phù hợp nhằm tăng năng suất lao động, giảm chí phí mang lại hiệu quả cao trong SXKD. Quản lý chặt chẻ chi phí quản lý, thực hành tiết kiệm trên tất cả các lĩnh vực. Tăng cường công tác bảo vệ cơ quan, công tác phòng chống cháy nổ, đảm bảo an ninh trật tự trong toàn Công ty.

Tăng cường công tác khai thác hàng hóa, mắm bắt kịp thời thông tin khách hàng để đề ra chiến lược khai thác. Tập trung khai thác các mặt hàng thế mạnh như gạo xuất khẩu theo hợp đồng thương mại. Có chiến lược cạnh tranh với các Cảng lân cận để thu hút khách hàng, tăng cường công tác kiểm tra giám sát các hành vi nhũng nhiễu, tiêu cực làm ảnh hưởng đến uy tín của Cảng.

Tập trung đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng Dự án mở rộng Cảng để tạo quỹ đất sạch, nhằm đầu tư khai thác mở rộng bến bãi chứa, rút hàng container.

Kết hợp với các đơn vị Logistic khai thác thêm nhiều khách hàng mới

Tập trung khai thác các dịch vụ cung ứng tàu biển như: Cót lót, cấp nước, đổ rác và các dịch vụ hàng hải khác, mở rộng thị trường cung ứng nhiên liệu cho tất cả các Cảng trong khu vực Đồng Bằng Sông Cửu Long và cả ở thành phố Hồ Chí Minh.

Tập trung kiểm tra bảo dưỡng thường xuyên các phương tiện sản xuất, nhằm phát hiện kịp thời những hư hỏng để khắc phục đưa vào sản xuất. Kiểm tra chặt chẻ việc sử dụng công cụ dụng cụ sản xuất, đề ra giải pháp sử dụng tiết kiệm công cụ dụng cụ sản xuất để giảm tối đa chi phí sản xuất cho Công ty.

Ngoài ra công ty còn tăng cường hợp tác với các cơ quan quản lý Nhà nước như Cảng Vụ, Hải Quan, Biên Phòng, Kiểm dịch y tế quốc tế, v.v… để hỗ trợ Cảng trong sản xuất kinh doanh.

MỘT SỐ CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH DỰ KIẾN NĂM 2018

- Sản lượng hàng hóa thông qua : 1.930.000 tấn.
- Doanh thu : 74,680 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế : 5 tỷ đồng.
- Phải nộp ngân sách : 7,2 tỷ đồng.
- Thu nhập bình quân : 6,5 triệu đồng/người/tháng.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG

Vấn đề về ô nhiễm môi trường là một trong những vấn đề nóng nhất hiện nay. Theo nhận định của Tổng cục trưởng Tổng cục Môi trường Nguyễn Văn Tài trong hội nghị Tổng kết công tác 2017 và triển khai nhiệm vụ năm 2018, tình trạng ô nhiễm môi trường đang có xu hướng gia tăng. Việc vi phạm các quy định pháp luật về môi trường diễn biến ngày càng phức tạp, gây ra nhiều bức xúc trong người dân. Trong khi đó, hoạt động của các hệ thống cảng biển lại có những tác động đến môi trường. Các hoạt động như sửa chữa nhỏ, cung cấp dầu mỡ, nhiên liệu cho các chủ tàu, v.v… gây ra những ảnh hưởng tiêu cực đến nguồn nước tại các cảng biển. Không những vậy, những hậu quả từ việc rò rỉ các chất thải, hóa chất làm cho môi trường bị ô nhiễm nghiêm trọng cũng khó có xử lý một cách triệt để.

Nhận thấy được điều này nên trong những năm qua, Công ty Cổ phần Cảng An Giang đã luôn tuân thủ những quy định của các ban ngành, cũng như của chính phủ về việc bảo vệ môi trường. Bên cạnh đó, Công ty đã duy trì hệ thống quản lý môi trường theo quy định. Ngoài ra, Công ty cũng thường xuyên tổ chức các buổi dọn dẹp vệ sinh để nâng cao ý thức của cán bộ nhân viên Công ty trong việc bảo vệ môi trường. Không chỉ thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường, Công ty còn thực hiện các chính sách tiết kiệm điện, nước, nguyên vật liệu, v.v… để có thể bảo vệ được nguồn tài nguyên thiên nhiên đang dần cạn kiệt.

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Lấy nguồn nhân lực làm trọng tâm để có thể phát triển ổn định và bền vững, nên trong những năm qua, các quy định về tiền lương, thưởng, các chính sách về bảo hiểm dành cho các cán bộ nhân viên luôn được Công ty đảm bảo và thực hiện đúng theo quy định của Luật Lao động. Bên cạnh đó, để có thể nâng cao tinh thần làm việc của các cán bộ nhân viên Công ty, Công đoàn Công ty đã tổ chức những đợt tham quan, du lịch, các hoạt động văn hóa, thể thao, v.v…. Ngoài ra, những buổi đào tạo nâng cao trình độ cho các cán bộ nhân viên được Công ty thường xuyên tổ chức, cũng như cử các cán bộ nhân viên của Công ty tham gia các chương trình đào đạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để có thể nâng cao được chất lượng dịch vụ của Công ty. Không những vậy, đời sống của các cán bộ nhân viên Công ty luôn nhận được nhiều sự quan tâm từ Ban Lãnh đạo, góp phần tăng sự gắng bó của cán bộ nhân viên với Công ty.

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Năm 2017 vừa qua nền kinh tế Việt Nam tiếp tục đà tăng trưởng. Đời sống của người dân được cải thiện hơn trước. Tuy nhiên nước ta vẫn còn gặp nhiều khó khăn từ xu hướng bảo hộ mậu dịch, cũng như tình hình thiên tai bão lũ năm 2017 diễn ra bất thường và thường xuyên hơn, gây ra những thiệt hại nghiêm trọng về tài sản, tính mạng con người. Với tinh thần tương thân tương ái của mình, trong năm 2017 Công ty đã thực hiện nhiều hoạt động giúp đỡ cộng đồng. Cụ thể, công ty đã thực hiện các hoạt động đền ơn đáp nghĩa như ủng hộ đồng bào vùng bị bão lũ, hỗ trợ xây dựng nhà tình nghĩa cho những gia đình có công với đất nước, v.v…. Bên cạnh đó, để khuyến khích những học sinh có hoàn cảnh khó khăn tiếp tục đến trường Công ty đã trao những xuất học bổng cho những em có hoàn cảnh khó khăn.

IV. BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY 61

ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC 63

KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 64

ACPC
GC01

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

THÔNG TIN CHUNG

Năm 2017, xuất khẩu gạo của Việt Nam được đánh giá là rất khả quan, đạt gần 6 triệu tấn chủ yếu tập trung vào những thị trường mới. Trong khi đó các thị trường truyền thống của khu vực Đồng bằng sông Cửu Long lại không ổn định cộng với biến đổi khí hậu, mất mùa và sự trỗi dậy của các nước xuất khẩu gạo như Myanmar, Campuchia, v.v… cũng đã gây ra nhiều khó khăn, thách thức đến hoạt động của Công ty.

Cơ cấu hàng hóa thông qua Cảng năm 2017 có sự thay đổi rỏ rệt các mặt hàng xuất khẩu, nhập khẩu và container đều tăng trưởng hơn so với cùng kỳ, tuy nhiên tổng sản lượng hàng hóa thông qua Cảng lại sụt giảm chỉ bằng 72% so với cùng kỳ. Nguyên nhân là do sản lượng hàng nội địa thông qua Cảng giảm mạnh, nhất là gạo nội. Sự sụt giảm của gạo nội địa là do chính sách nhập khẩu của Trung Quốc thay đổi. Từ đầu quý II/2017 đến cuối năm Trung Quốc siết chặt nhập khẩu gạo qua đường tiêu ngạch, trong khi đó kế hoạch SXKD năm 2017 mặt hàng chiếm tỷ trọng cao (chiếm 44,45% tổng sản lượng hàng hóa thông qua Cảng) nên khi sản lượng gạo nội địa sụt giảm nghiêm trọng (chỉ đạt 35,5% KH) thì kéo theo sảng lượng hàng hóa thông qua cảng sụt giảm theo, mặt dù các mặt hàng xuất khẩu, nhập khẩu và container có tăng trưởng hơn so với cùng kỳ nhưng vẫn không bù đắp nổi.

Bên cạnh đó, luồng vào Sông Hậu chưa ổn định, chưa tiếp nhận được tàu có tải trọng lớn vào Cảng để nhận hàng, làm cho sản lượng hàng hóa xuất khẩu (chủ yếu là gạo) phải trung chuyển lên các Cảng ở Tp. HCM xếp lên tàu lớn. Trong khi đó chỉ cách Cảng Mỹ Thới vài km trên cùng một đoạn Sông Hậu nhưng có đến 4 bến cảng cùng hoạt động nên cạnh tranh diễn ra gay gắt, nhất là việc cạnh tranh về giá do chi phí cố định của họ thấp đây là điều thách thức lớn đối với chúng ta trong việc giữ vững ổn định thị phần vùng nước và hiệu quả SXKD. Trong khi khách hàng truyền thống cũng gặp nhiều khó khăn trong kinh doanh nên đã yêu cầu Cảng chia sẻ khó khăn, giảm cước dịch vụ nếu không được đáp ứng yêu cầu sẽ chuyển cảng khác.

Tân Cảng thốt Nốt cũng tập trung khai thác các mặt hàng như gạo đóng cont tại bãi, tại nhà máy và vận chuyển container, họ đưa ra nhiều chính sách giá cạnh tranh với Công ty do họ thực hiện một chuỗi cung ứng Logistic cho khách hàng, trong khi Công ty kết hợp với các đơn vị vận chuyển container để làm dịch vụ này nên giá cả chưa được linh hoạt, bên cạnh đó trạm thu phí BOT T2 Cần Thơ đi vào hoạt động làm ảnh hưởng đến giá thành vận chuyển container đối với khách hàng truyền thống của Cảng tại các khu vực Thốt Nốt – Cần Thơ và Kiên Giang.

Nhưng với sự lãnh đạo của Đảng ủy, sự chỉ đạo, điều hành của Ban Tổng Giám đốc Công ty, sự quan tâm hỗ trợ của các cơ quan hữu quan, khách hàng, chủ tàu, đại lý. Cùng với sự quyết tâm của tập thể CB – CNV người lao động trong toàn Công ty nên Công ty vẫn giữ được khách hàng truyền thống, giữ vững thị phần hàng hóa trong năm 2017.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2016	TH 2017	KH 2017	TH/KH 2017
1	Sản lượng hàng hóa thông qua cảng	Tấn	2,454,751	1,766,097	2,750,000	64.22%
2	Tổng doanh thu	Tr. đồng	83,547	69,015	92,270	74.80%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	14,369	3,985	15,400	25.88%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	11,389	3.134	12.320	27,52%
5	Nộp NSNN	Tr. đồng	8.611	7.145	8.874	82,97%
6	Cổ tức	%	7,0	1,93	7,0	27,57%

ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

HĐQT xác định những công tác trọng tâm cần phải lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện và luôn kiện toàn bộ máy công ty, gắn với nâng cao chất lượng dịch vụ xếp dỡ để mang lại hiệu quả cao đáp ứng sự kỳ vọng của Quý cổ đông.

HĐQT thống nhất phê duyệt chủ trương tinh giảm nhân sự, kiện toàn tổ chức, đủ năng lực thực hiện nhiệm vụ quản lý và điều hành hoạt động SXKD theo hướng tinh gọn tiến tới nâng cao chất lượng dịch vụ, năng lực bốc xếp; bố trí sản xuất hợp lý, hiệu quả, an toàn. Trên cơ sở đó, Ban Tổng giám đốc xây dựng phương án cơ cấu sử dụng lao động cắt giảm từ 205 lao động xuống còn 160 lao động hiện nay, nhằm để tinh gọn bộ máy nâng cao hiệu quả trong công tác quản trị điều hành nghiệp vụ, chuyên môn.

Trong quá trình giám sát, HĐQT nhận thấy: Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý trong công ty đã tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc Nghị quyết HĐQT, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, cũng như các quyết định của HĐQT như:

- Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện những chiến lược mà HĐQT đề ra có trọng tâm, đúng hướng, hiệu quả.

- Thực hiện tốt chức năng trong quản trị điều hành công ty, triển khai hiệu quả nhiều giải pháp, duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, ổn định việc làm và thu nhập cho người lao động, các chế độ chính sách đối với người lao động, công tác vệ sinh môi trường luôn được đảm bảo, an ninh trật tự trong công ty được giữ vững.

- Công tác đầu tư xây dựng cơ bản kịp thời, đúng tiến độ và kế hoạch đề ra, thực hiện quy trình đầu tư đúng thẩm quyền, đúng quy định, đúng luật… đảm bảo đầu tư khai thác có hiệu quả, tiết kiệm tối đa nguồn vốn đầu tư.

- Tuân thủ và hoạt động theo Luật doanh nghiệp, các quy định của pháp luật có liên quan; Điều lệ tổ chức và hoạt động công ty; Quy chế hoạt động HĐQT; Quy chế tài chính…

Bên cạnh đó, Ban điều hành cũng tiếp tục hoàn chỉnh đồng bộ các văn bản pháp lý, các quy chế, quy định nội bộ, theo chức năng, nhiệm vụ để bảo đảm tính chủ động, phối hợp nhịp nhàng của bộ máy điều hành các cấp trong công ty. Đặc biệt là ban hành các quy định tiết giảm mạnh các chi phí như: đầu tư, sửa chữa, mua sắm chưa cần thiết; chi phí hội nghị, khánh tiết, tiếp khách,.. nhằm để góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD.

KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tình hình thế giới năm 2018 dự báo tiếp tục diễn biến phức tạp; kinh tế thế giới có thể tăng cao hơn năm 2017 nhưng vẫn phục hồi chậm, không đồng đều và còn nhiều rủi ro. Các chính sách tài khóa của các nền kinh tế lớn sẽ kích thích tăng trưởng toàn cầu bất chấp xu hướng bảo hộ mậu dịch có thể gây ra tác động tiêu cực.

Kinh tế Việt Nam trong năm 2017 được đánh giá là một điểm sáng của Châu Á. Tuy Hoa Kỳ đã bác bỏ hiệp định TPP nhưng điều này không ảnh hưởng nhiều tới sự phát triển trong tương lai của Việt Nam. Theo đánh giá của Bloomberg ngày 18/01/2017, kinh tế Việt Nam sẽ được hưởng lợi nhiều hơn khi TPP không được vận hành. Nguyên nhân là do chính sách bảo hộ nền kinh tế trong nước đã khiến cho đồng USD mạnh lên, đồng VNĐ yếu đi tạo thuận lợi cho việc xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam vào thị trường này. Đặc biệt là các mặt hàng nông sản, thủy sản ở khu vực đồng bằng Sông Cửu Long đang được Chính phủ rất quan tâm và dự kiến sẽ là một trong các mặt hàng xuất khẩu chính của Việt Nam vào các thị trường khó tính như Hoa Kỳ…

Do đó hoạt động xuất khẩu sẽ được đẩy mạnh trong thời gian tới, tạo ra nhiều cơ hội trong mọi mặt hoạt động của Công ty, do vậy tiềm năng phát triển trong tương lai của Công ty là rất lớn.

Nhưng bên cạnh những thuận lợi, chúng ta vẫn còn nhiều hạn chế, yếu kém. Năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh còn thấp trong khi thế giới bước vào cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, đặt ra không ít những khó khăn, thách thức đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp Việt Nam.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CÔNG TY NĂM 2018

Qua kết quả SXKD nhiều năm của công ty, HĐQT xác định chiến lược SXKD là phát triển cung ứng dịch vụ bốc xếp hàng hóa. Vì vậy, HĐQT tập trung chỉ đạo, giám sát trực tiếp hoạt động đầu tư như mua sắm trang thiết bị, xây dựng cơ sở hạ tầng; bàn bạc trực tiếp với Ban Tổng giám đốc về cơ cấu tổ chức và mô hình quản trị, nâng cao trình độ quản lý; tìm kiếm và mở rộng thị phần gắn với xây dựng đầu tư các hạng mục Dự án mở rộng cảng giai đoạn 1 từ nay đến 2021.

- **Mục tiêu của công ty là:** Tối đa hóa lợi nhuận của cổ đông, lợi ích của CB.CNV công ty. Đồng thời tiếp tục giữ vững và nâng cao đời sống CB.CNV trên cơ sở sản xuất phát triển, kinh doanh có hiệu quả.

- **Định hướng sản xuất kinh doanh của công ty:**

+ Giữ vững sự ổn định hiện có, đảm bảo tốc độ tăng trưởng về giá trị SXKD, doanh thu, lợi nhuận hàng năm.

+ Lấy sản xuất, kinh doanh dịch vụ xếp dỡ hàng hóa làm trọng tâm. Đồng thời khai thác tốt các cơ hội kinh doanh đem lại lợi nhuận cao để hỗ trợ. Trước mắt cần tận dụng, khai thác tốt cơ sở hạ tầng công ty hiện có.

+ Tăng cường và mở rộng hợp tác với các đối tác, chủ hàng, các đơn vị logistics, các nhà đầu tư, các công ty có tiềm lực… để tận dụng tốt cơ hội kinh doanh.

+ Đầu tư xây dựng một số hạng mục như: Bờ kè gắn với bãi hiện có (khoảng 4.500m^2) trong dự án mở rộng Cảng giai đoạn 1 để trước mắt mở rộng khai thác hàng container đóng, rút hàng tại bãi.

NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2018

- Sản lượng hàng hóa thông qua : 1.930.000 tấn.
- Sản lượng hàng xếp dỡ :2.570.000 tấn.
- Lượt tàu : 402 lượt = 763.724 GRT
- Tổng doanh thu : 74,680 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế : 5 tỷ đồng.
- Phải nộp ngân sách : 7,2 tỷ đồng.

GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

- Đẩy mạnh và làm tốt công tác tiếp thị đối với 02 mặt hàng chiến lược hiện nay là gạo đóng container và gạo xuất khẩu. Bên cạnh có chính sách chăm sóc khách hàng, nâng cao chất lượng dịch vụ tạo uy tín với chủ hàng, chủ tàu đến cảng, xây dựng và phát triển thương hiệu mạnh để giữ vững và mở rộng thị phần cho công ty.
- Áp dụng các biện pháp tích cực để thu hồi nợ đọng; bảo toàn và phát triển vốn, đáp ứng được yêu cầu về sản xuất và đầu tư.
- Đẩy mạnh việc mở rộng các dịch vụ logistics, gắn với xây dựng bờ kè trước mắt để khai thác bãi cứng chứa, đóng, rút hàng container (khoảng 4.500m2) hiện có trong dự án mở rộng cảng đã được bàn giao, để nâng cao năng lực cạnh tranh. Đồng thời, phát huy tuyến vận chuyển container Cảng Bình Long – Mỹ Thới – TP. Hồ Chí Minh nhằm góp phần tăng doanh thu và lợi nhuận cho công ty.
- Tiếp tục giải tỏ, đền bù đối với các hộ dân trong Dự án mở rộng cảng, sau đó tạo quỹ đất sạch tiến hành xây dựng từng hạng mục phù hợp với nhu cầu phát triển và tính hiệu quả của dự án. Song song mở rộng thị phần để tạo nguồn hàng ổn định, tăng doanh thu và lợi nhuận cho công ty
- Thực hành triệt để tiết kiệm, chống lãng phí đặc biệt là chi phí nguyên nhiên vật liệu, phụ tùng vật tư, chi phí quản lý nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD.
- Quản lý và sử dụng linh hoạt, hợp lý lao động trên cơ sở khối lượng công việc hiện có, bên cạnh gắn liền quyền lợi với kết quả công việc nhằm khuyến khích người lao động nâng cao năng suất hiệu quả công tác.

IV. QUẢN TRỊ CÔNG TY

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 69

BAN KIỂM SOÁT 71

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH 72

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÁC TIỂU BAN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hiện nay Công ty không thành lập tiểu ban hội đồng quản trị.

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2017, Hội đồng quản trị đã có 03 cuộc họp trong số 04 cuộc họp với sự tham dự của đầy đủ các thành viên.

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
01	Lê Việt Thành	Chủ tịch HĐQT	22/04/2016	4/4	100%	
02	Bùi Thành Hiệp	Phó chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ	19/03/2011	4/4	100%	
03	Trần Văn Cam	TV HĐQT kiêm PTGĐ	19/03/2011	4/4	100%	
04	Trần Tấn Phong	TV HĐQT kiêm PTGĐ	19/03/2011	4/4	100%	
05	Nguyễn Quốc Bảo	TV HĐQT	19/03/2011	4/4	100%	
06	Lê Văn Phúc	TV HĐQT	19/03/2011	3/4	75%	Đi công tác
07	Nguyễn Việt Hùng	TV HĐQT	19/03/2011	4/4	100%	

CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2017

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
01	05/NQ-HĐQT	20/04/2017	V/v Thực hiện những nội dung đã được quyết nghị tại Phiên họp thường kỳ lần thứ 4/2016 (lần 1/2017) – Nhiệm kỳ II của Hội đồng quản trị ngày 20/04/2017
02	06/NQ-HĐQT	19/05/2017	Về việc Thành lập Trung tâm Logistics Cảng Mỹ Thới
03	08/NQ-HĐQT	04/08/2017	Về việc thực hiện những nội dung đã quyết nghị tại Phiên họp lần thứ 2 năm 2017 – Nhiệm kỳ II của Hội đồng quản trị ngày 04/8/2017
04	09/NQ-HĐQT	02/11/2017	Về việc thực hiện những nội dung đã quyết nghị tại Phiên họp thường kỳ lần thứ 6 - Nhiệm kỳ II của Hội đồng quản trị ngày 02/11/2017
05	01/QĐ-HĐQT	16/05/2017	Về việc bán cổ phần của Công ty CP Cảng An Giang tại Công ty CP Dầu khí MêKông
06	02/QĐ-HĐQT	16/05/2017	Về việc Thành lập Ban bán đấu giá cổ phần đầu tư tại Công ty CP Dầu khí MêKông
07	03/QĐ-HĐQT	16/05/2017	Về việc Ban hành Quy chế bán đấu giá cổ phần của Công ty CP Cảng An Giang tại Công ty CP Dầu khí MêKông
08	04/QĐ-HĐQT	25/05/2017	Về việc bán cổ phần của Công ty CP Cảng An Giang tại Công ty CP Dầu khí MêKông
09	05/QĐ-HĐQT	27/05/2017	Về việc Thành lập Trung tâm Logistics Cảng Mỹ Thới
10	06/QĐ-HĐQT	27/05/2017	Về việc Thành lập Ban tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017
11	07/QĐ-HĐQT	14/06/2017	Về việc chi trả cổ tức cho cổ đông năm 2016
12	08/QĐ-HĐQT	14/06/2017	Về việc Giao quỹ tiền lương năm 2017
13	09/QĐ-HĐQT	14/06/2017	Về việc giao kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017

BAN KIỂM SOÁT

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trong năm 2017, Ban Kiểm soát đã có 03 cuộc họp trong số 04 cuộc họp với sự tham dự của đầy đủ các thành viên.

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
01	Nguyễn Thị Bạch Mai	Trưởng ban	19/03/2011	4/4	100%	
02	Trần Thị Thu Trà	Thành viên	22/04/2016	3/4	75%	Đi công tác
03	Trần Thị Thúy Hạnh	Thành viên	01/04/2012	4/4	100%	

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT ĐỐI VỚI HĐQT, BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CỔ ĐÔNG

Trong năm 2017, BKS đã triển khai thực hiện các nhiệm vụ:

❖ Tham gia đầy đủ các phiên họp HĐQT, kịp thời nắm bắt tình hình hoạt động của Công ty, tích cực tham gia đóng góp ý kiến cũng như thường xuyên có những kiến nghị kịp thời nhằm hoàn thiện chính sách, quy trình, quy chế nâng cao năng lực quản trị điều hành và ngăn ngừa rủi ro trong hoạt động của Công ty.

❖ Kiểm tra báo cáo tài chính hàng quý, tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:

❖ BKS luôn phối hợp chặt chẽ và hỗ trợ HĐQT, Ban Giám đốc trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

❖ Các biên bản, nghị quyết của HĐQT đều gửi cho BKS để cập nhật và đưa ra ý kiến góp ý kịp thời.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

THÙ LAO, LƯƠNG, THƯỞNG VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

STT	Họ và tên	Lương công việc/tháng	Thưởng
1	**Hội đồng quản trị**		
1.1	Lê Việt Thành	5,500,000	Không
1.2	Bùi Thành Hiệp	4,500,000	Không
1.3	Trần Văn Cam	3,500,000	Không
1.4	Trần Tấn Phong	3,500,000	Không
1.5	Nguyễn Việt Hùng	3,500,000	Không
1.6	Nguyễn Quốc Bảo	3,500,000	Không
1.7	Lê Văn Phúc	3,500,000	Không
2	**Ban kiểm soát**		
2.1	Nguyễn Thị Bạch Mai	2,500,000	Không
2.2	Trần Thị Thu Hà	1,500,000	Không
2.3	Trần Thị Thúy Hạnh	1,500,000	Không
3	**Ban điều hành**		
3.1	Bùi Thành Hiệp	28,624,878	Không
3.2	Trần Văn Cam	14,312,439	Không
3.3	Trần Tấn Phong	14,312,439	Không
3.4	Nguyễn Thị Bạch Mai	13,290,122	Không
3.5	Nguyễn Văn Cơ	13,290,122	Không

IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN NĂM 2017 75

Hapag-Lloyd
HLXU
LU 7860763
FLEXI
-VAN
LEASING

MỤC LỤC

		Trang
1.	Mục lục	1
2.	Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3.	Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4.	Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	7 - 10
5.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	11
6.	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	12 - 13
7.	Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	14 - 36

****

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng An Giang (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Khái quát về Công ty

Công ty là Doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước Cảng Mỹ Thới An Giang theo Quyết định số 1644/QĐ-UBND ngày 07 tháng 9 năm 2010 của Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Cảng Mỹ Thới An Giang. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 1600125108 đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 3 năm 2011 và đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 11 tháng 01 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

Trụ sở chính
- Địa chỉ : Quốc lộ 91 tổ 15, khóm Đông Thịnh B, p. Mỹ Thạnh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang.
- Điện thoại : (0296).3.831.401
- Fax : (0296).3.831.129

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp Cảng Mỹ Thới	Quốc lộ 91, tổ 15, khóm Đông Thịnh B, p. Mỹ Thạnh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang.
Xí nghiệp Cảng Bình Long	Xã Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.
Xí nghiệp Vận Tải Bộ	Quốc lộ 91, tổ 15, khóm Đông Thịnh B, p. Mỹ Thạnh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Hoạt động kinh doanh của Công ty là: Bốc xếp hàng hóa; Kho bãi và lưu giữ hàng hoá; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thuỷ; Đại lý, môi giới, đấu giá; Vận tải hàng hoá bằng đường bộ; Vận tải hàng hoá bằng đường thuỷ nội địa; Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh; Khai thác, xử lý và cung cấp nước; Thu gom rác thải không độc; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Dịch vụ phục vụ đồ uống; Đóng tàu và cấu kiện nổi; Bảo dưỡng, sửa chữa ôtô và xe có động cơ khác; Sửa chữa máy móc, thiết bị; Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác); Xay xát và sản xuất bột thô; Bán buôn gạo; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Xây dựng nhà các loại; Hoạt động của các đại lý vận tải hàng hoá đường biển; Hoạt động của đại lý hải quan, giao nhận hàng hoá; Cho thuê văn phòng làm việc; Xây dựng công trình dân dụng; Dịch vụ cung ứng tàu biển.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Lê Việt Thành	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2016
Ông Bùi Thành Hiệp	Phó chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2016
Ông Trần Văn Cam	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2016
Ông Trần Tấn Phong	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2016
Ông Nguyễn Việt Hùng	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2016
Ông Nguyễn Quốc Bảo	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2016
Ông Lê Văn Phúc	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2016

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Bà Nguyễn Thị Bạch Mai	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2016
Bà Trần Thị Thúy Hạnh	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2016
Bà Trần Thị Thu Trà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2016

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Bùi Thành Hiệp	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 3 năm 2011
Ông Trần Văn Cam	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2011
Ông Trần Tấn Phong	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2011

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Bùi Thành Hiệp – Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 19 tháng 3 năm 2011).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ Chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Bùi Thành Hiệp
Tổng Giám đốc

Ngày 13 tháng 3 năm 2018

BAKER TILLY
A&C
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

Headquarters : 02 Truong Son St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : Lot STH 06A.01, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City
Branch in Can Tho : I5-13 Vo Nguyen Giap St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 4.0077/18/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần Cảng An Giang (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 27 tháng 01 năm 2018, từ trang 07 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Cảng An Giang tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

an independent member of
BAKER TILLY
INTERNATIONAL

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Cần Thơ

Nguyễn Hữu Danh - Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1242-2018-008-1

Nguyễn Ngọc Quyên - Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2616-2018-008-1

TP. Cần Thơ, ngày 13 tháng 3 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**49.474.697.226**	**49.213.305.574**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**V.1**	**17.931.460.903**	**12.820.371.566**
1. Tiền	111		12.931.460.903	7.820.371.566
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.000.000.000	5.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**15.000.000.000**	**15.000.000.000**
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	15.000.000.000	15.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**12.810.487.045**	**17.174.937.274**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	13.637.769.688	17.150.093.824
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4a	132.302.539	271.605.739
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dụ	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	745.505.694	955.189.362
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(1.705.090.876)	(1.201.951.651)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	**140**		**2.544.787.900**	**2.465.328.012**
1. Hàng tồn kho	141	V.7	2.544.787.900	2.465.328.012
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**1.187.961.378**	**1.752.668.722**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	1.187.491.706	1.106.774.663
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		469.672	645.894.059
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**103.686.110.493**	**112.539.657.434**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**10.555.760.000**	**10.555.760.000**
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.4b	10.555.760.000	10.555.760.000
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	**220**		**88.780.895.219**	**95.490.814.809**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	86.530.642.105	93.240.561.695
- *Nguyên giá*	*222*		*175.528.106.659*	*174.274.797.669*
- *Giá trị hao mòn lũy kế*	*223*		*(88.997.464.554)*	*(81.034.235.974)*
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- *Nguyên giá*	*225*		-	-
- *Giá trị hao mòn lũy kế*	*226*		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	2.250.253.114	2.250.253.114
- *Nguyên giá*	*228*		*2.250.253.114*	*2.250.253.114*
- *Giá trị hao mòn lũy kế*	*229*		-	-
III. Bất động sản đầu tư	**230**		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**78.567.000**	**78.165.081**
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	78.567.000	78.165.081
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**3.282.426.747**	**3.162.782.353**
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	4.320.000.000	4.320.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(1.037.573.253)	(1.157.217.647)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**988.461.527**	**3.252.135.191**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	988.461.527	3.252.135.191
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**153.160.807.719**	**161.752.963.008**

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**7.629.190.962**	**9.511.170.073**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**6.322.730.736**	**7.875.187.123**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	2.293.808.485	813.255.429
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	28.449.830	266.940.769
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	583.040.507	1.709.352.073
4. Phải trả người lao động	314	V.15	1.986.355.250	2.768.114.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		6.941.959	10.619.212
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dự	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17a	587.392.042	611.353.039
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	818.250.000	818.250.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		18.492.663	877.302.601
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	**330**		**1.306.460.226**	**1.635.982.950**
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.16	477.272.726	204.545.450
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.17b	216.000.000	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	613.187.500	1.431.437.500
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**145.531.616.757**	**152.241.792.935**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**		**145.531.616.757**	**152.241.792.935**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.20a	138.000.000.000	138.000.000.000
- *Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*	*411a*		*138.000.000.000*	*138.000.000.000*
- *Cổ phiếu ưu đãi*	*411b*		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.20a	4.397.979.092	4.400.672.794
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.20a	3.133.637.665	9.841.120.141
- *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước*	*421a*		-	*9.841.120.141*
- *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này*	*421b*		*3.133.637.665*	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**153.160.807.719**	**161.752.963.008**

An Giang, ngày 27 tháng 01 năm 2018

Lâm Ngọc Sương	Nguyễn Văn Cơ	Bùi Thành Hiệp
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	67.836.812.732	82.245.318.682
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch	10		67.836.812.732	82.245.318.682
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	52.605.200.089	57.165.970.024
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vi	20		15.231.612.643	25.079.348.658
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.032.094.990	1.259.925.762
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	51.925.422	223.819.350
Trong đó: chi phí lãi vay	23		171.358.595	223.055.643
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	1.349.310.652	1.325.743.608
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	11.001.628.529	10.273.929.704
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.860.843.030	14.515.781.758
11. Thu nhập khác	31	VI.7	146.098.992	41.728.507
12. Chi phí khác	32	VI.8	21.886.419	188.490.061
13. Lợi nhuận khác	40		124.212.573	(146.761.554)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.985.055.603	14.369.020.204
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	851.417.938	2.979.598.170
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.133.637.665	11.389.422.034
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9a	198	721
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9a	198	721

An Giang, ngày 27 tháng 01 năm 2018

Lâm Ngọc Sương	Nguyễn Văn Cơ	Bùi Thành Hiệp
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	***01***		***3.985.055.603***	***14.369.020.204***
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9	7.963.228.580	7.679.557.974
- Các khoản dự phòng	03		383.494.831	203.174.906
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	147.671	(1.883.385)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(1.002.777.775)	(1.219.500.000)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	171.358.595	223.055.643
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	***08***		***11.500.507.505***	***21.253.425.342***
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		4.287.929.835	(4.823.642.013)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(79.459.888)	(922.021.565)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		643.280.340	(4.916.100.677)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2.182.956.621	894.812.489
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(175.035.848)	(225.710.792)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(1.709.900.198)	(1.564.728.117)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.042.623.781)	(1.165.809.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		***15.607.654.586***	***8.530.225.667***
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9, V.11	(1.253.710.909)	(7.002.346.900)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(110.000.000.000)	(35.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		110.000.000.000	40.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5, VI.3	1.221.583.331	1.339.166.666
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		***(32.127.578)***	***(663.180.234)***

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18a	(818.250.000)	(818.250.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.17a, V.20	(9.646.040.000)	(11.731.705.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		***(10.464.290.000)***	***(12.549.955.000)***
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**		**5.111.237.008**	**(4.682.909.567)**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**V.1**	**12.820.371.566**	**17.501.397.748**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại t	61	VI.4	(147.671)	1.883.385
Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**	**V.1**	**17.931.460.903**	**12.820.371.566**

An Giang, ngày 27 tháng 01 năm 2018

Lâm Ngọc Sương	Nguyễn Văn Cơ	Bùi Thành Hiệp
Người lập	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn
Công ty Cổ phần Cảng An Giang (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh
Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh
Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Bốc xếp hàng hóa, kho bãi và lưu giữ hàng hóa, hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tuyến cho vận tải đường thủy, vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường
Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Nhân viên
Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 177 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 217 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng
Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa thường xuyên và giá trị lợi thế kinh doanh. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Công ty Cổ phần Thông tin và Thẩm định giá miền Nam. Lợi thế kinh doanh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Theo Công văn số 534/CT-THNVDT ngày 15 tháng 4 năm 2015 của Cục thuế tỉnh An Giang trả lời về việc khấu trừ lợi thế vị trí địa lý (lợi thế kinh doanh) của Công ty Cổ phần Cảng An Giang thì từ năm 2015 trở đi giá trị lợi thế vị trí địa lý được khấu trừ vào tiền thuê đất phải nộp hàng năm số tiền là 1.517.895.680 VND cho đến khi hết giá trị lợi thế vị trí địa lý này.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích

kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.
Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 30
Máy móc và thiết bị	05 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 15

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty chỉ gồm Quyền sử dụng đất:
Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ,

tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hoá đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi
Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

16. Chi phí đi vay
Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

17. Các khoản chi phí
Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các Chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành
Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại
Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính

và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	408.102.800	348.681.900
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	12.523.358.103	7.471.689.666
Các khoản tương đương tiền	5.000.000.000	5.000.000.000
- *Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng*	*5.000.000.000*	*5.000.000.000*
Cộng	**17.931.460.903**	**12.820.371.566**

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	15.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000
Cộng	**15.000.000.000**	**15.000.000.000**	**15.000.000.000**	**15.000.000.000**

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
Công ty Cổ phần Dầu khí Mêkông	4.320.000.000	(1.037.573.253)	4.320.000.000	(1.157.217.647)
Cộng	**4.320.000.000**	**(1.037.573.253)**	**4.320.000.000**	**(1.157.217.647)**

Theo Công văn số 143/AGP ngày 16 tháng 6 năm 2011 gửi Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang, Công ty Cổ phần Cảng An Giang đồng ý góp vốn làm cổ đông sáng lập của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí An giang với tổng số vốn điều lệ là 80.000.000.000 VND.

Theo thỏa thuận về việc thành lập Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí An Giang ngày 27 tháng 6 năm 2011 tỷ lệ góp vốn của Công ty Cổ phần Cảng An Giang là 9.000.000.000 VND tương đương 11,25% vốn điều lệ. Năm 2015, Công ty Cổ phần Cảng An Giang đã bị hoán đổi cổ phần của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí An Giang lấy cổ phần của Công ty Cổ phần Dầu khí Mêkông theo tỷ lệ 1:0,96 theo thông báo số 1063/TB-DKMK ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Công ty Cổ phần Dầu khí Mêkông về việc sáp nhập.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.157.217.647	1.157.217.647
Hoàn nhập dự phòng	(119.644.394)	-
Số cuối năm	**1.037.573.253**	**1.157.217.647**

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu bên liên quan	***25.000.000***	***10.000.000***
Nguyễn Quốc Bảo	25.000.000	10.000.000
Phải thu các khách hàng khác	***13.612.769.688***	***17.140.093.824***
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Tiếp vận vận tải Hoàng Phú An	2.472.452.000	1.370.734.400
Nguyễn Đức Diện	779.207.559	3.206.673.709
Đỗ Văn Tờ Nhỏ	1.331.686.000	1.520.000.000
Các khách hàng khác	9.029.424.129	11.042.685.715
Cộng	**13.637.769.688**	**17.150.093.824**

4. Trả trước cho người bán

4a. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho các người bán khác		
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư cơ sở hạ tầng APCI	19.956.539	19.956.539
Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì đường thủy nội địa số 13	22.000.000	22.000.000
Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh An Giang	90.346.000	-
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Minh Khôi Nguyên	-	196.649.200
Các nhà cung cấp khác	-	33.000.000
Cộng	**132.302.539**	**271.605.739**

4b. Trả trước cho người bán dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho các người bán khác		
Trường Kỹ thuật nghiệp vụ - Sở Giao thông Vận tải An Giang	10.000.000.000	10.000.000.000
Các nhà cung cấp khác	555.760.000	555.760.000
Cộng	**10.555.760.000**	**10.555.760.000**

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác				
Lãi dự thu – tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn	28.402.777	-	247.208.333	-
Tạm ứng	216.046.973	-	319.172.144	
Khoản chi vượt Quỹ phúc lợi, Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành chờ nguồn bù đắp	35.271.819	-	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	465.784.125	-	388.808.885	-
Cộng	**745.505.694**	**-**	**955.189.362**	**-**

6. Nợ xấu

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Các tổ chức và cá nhân khác						
Công ty Cổ phần Vận tải Thương mại Dịch vụ Hoa Lư		542.798.823	162.839.647	-	1.162.798.823	553.891.695
Phải thu tiền bán hàng	-	-	-	*Từ 01 năm đến dưới 02 năm*	*1.025.260.240*	*512.630.120*
Phải thu tiền bán hàng	*Từ 02 năm đến dưới 03 năm*	*542.798.823*	*162.839.647*	*Từ 02 năm đến dưới 03 năm*	*137.538.583*	*41.261.575*
Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Tỷ Hưng		143.656.776	-		143.656.776	-
Phải thu tiền bán hàng	*Trên 03 năm*	*143.656.776*	-	*Trên 03 năm*	*143.656.776*	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Xây dựng Văn Minh	-	51.248.722	-	-	51.248.722	-
Phải thu tiền bán hàng	*Trên 03 năm*	*51.248.722*	-	*Trên 03 năm*	*51.248.722*	-
Công ty Cổ phần Thái Đức Dương	-	74.272.859	-	-	74.272.859	-
Phải thu tiền bán hàng	*Trên 03 năm*	*74.272.859*	-	*Trên 03 năm*	*74.272.859*	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Minh Thành	-	22.606.300	-	-	22.606.300	-
Phải thu tiền bán hàng	*Trên 03 năm*	*22.606.300*	-	*Trên 03 năm*	*22.606.300*	-
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Hải Châu		160.933.487	-		160.933.487	48.280.046

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Phải thu tiền bán hàng	*Trên 03 năm*	*160.933.487*	-	*Từ 02 năm đến dưới 03 năm*	*160.933.487*	*48.280.046*
Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ An Hải	*Trên 03 năm*	181.200.000	-		181.200.000	54.360.000
Phải thu tiền bán hàng		*181.200.000*	-	*Từ 02 năm đến dưới 03 năm*	*181.200.000*	*54.360.000*
Công ty TNHH Gia Hiện		60.110.000	18.033.000		60.110.000	30.055.000
Phải thu tiền bán hàng	*Từ 02 năm đến dưới 03 năm*	*60.110.000*	*18.033.000*	*Từ 01 năm đến dưới 02 năm*	*60.110.000*	*30.055.000*
Các tổ chức khác		2.923.859.552	2.274.722.996		105.924.750	74.213.325
Phải thu tiền bán hàng	*Từ 06 tháng đến dưới 01 năm*	*2.651.579.552*	*2.019.905.107*	*Từ 06 tháng đến dưới 01 năm*	*105.924.750*	*74.213.325*
	Từ 01 năm đến dưới 02 năm	*272.280.000*	*254.817.889*	-	-	-
Cộng		**4.160.686.519**	**2.455.595.643**		**1.962.751.717**	**760.800.066**

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.201.951.651	998.776.745
Trích lập dự phòng bổ sung	503.139.225	203.174.906
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối năm	**1.705.090.876**	**1.201.951.651**

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.108.004.275	-	694.838.791	-
Công cụ, dụng cụ	1.406.248.604	-	1.744.745.871	-
Hàng hóa	30.535.021	-	25.743.350	-
Cộng	**2.544.787.900**	**-**	**2.465.328.012**	**-**

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	303.303.379	302.501.118
Phí bảo hiểm	74.526.494	84.834.540
Sửa chữa thường xuyên	778.589.155	669.780.844
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	31.072.678	49.658.161
Cộng	**1.187.491.706**	**1.106.774.663**

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Giá trị lợi thế kinh doanh về vị trí địa lý	386.196.160	2.895.793.588

	Số cuối năm	Số đầu năm
Giá trị lợi thế kinh doanh về giá trị thương hiệu	166.789.530	218.109.366
Các chi phí trả trước dài hạn khác	435.475.837	138.232.237
Cộng	**988.461.527**	**3.252.135.191**

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	79.922.287.196	6.161.059.376	88.191.451.097	174.274.797.669
Mua trong năm	-	290.000.000	-	290.000.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	963.308.990	-	-	963.308.990
Số cuối năm	**80.885.596.186**	**6.451.059.376**	**88.191.451.097**	**175.528.106.659**
Trong đó:				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	39.550.000	-	39.550.000
Chờ thanh lý	-	-	-	-
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	40.346.200.235	3.779.665.720	36.908.370.019	81.034.235.974
Khấu hao trong năm	2.367.195.204	364.511.084	5.231.522.292	7.963.228.580
Số cuối năm	**42.713.395.439**	**4.144.176.804**	**42.139.892.311**	**88.997.464.554**
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	39.576.086.961	2.381.393.656	51.283.081.078	93.240.561.695
Số cuối năm	**38.172.200.747**	**2.306.882.572**	**46.051.558.786**	**86.530.642.105**
Trong đó:				
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình là phương tiện vận tải, truyền dẫn có giá trị còn lại theo sổ sách là 3.656.162.828 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh An Giang.

10. Tài sản cố định vô hình

Là giá trị quyền sử dụng đất lâu dài.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Xây dựng cơ bản dở dang				
Công trình tu bổ và mở rộng bãi chứa hàng Cảng Mỹ Thới	*37.458.081*	*925.850.909*	*(963.308.990)*	-
Công trình dự án đầu tư và mở rộng Cảng Mỹ Thới	*40.707.000*	*37.860.000*	-	*78.567.000*
Cộng	**78.165.081**	**963.710.909**	**(963.308.990)**	**78.567.000**

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các nhà cung cấp khác		
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Lập Khang	-	241.760.000
Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ Thương mại Vạn Vạn Phúc	711.440.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ Quốc tế Đại Minh	893.391.185	182.615.429
Công ty TNHH Thiết bị Công nghiệp Tam Phát		339.130.000
Công ty Cổ phần Vicom Việt Nam	485.540.000	-
Các nhà cung cấp khác	203.437.300	49.750.000
Cộng	**2.293.808.485**	**813.255.429**

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước của các khách hàng khác		
Công ty Cổ phần Thương mại Vận tải biển Đại Nam	17.821.683	17.821.683
Công ty TNHH Tổng Công ty Hòa Bình Minh – Chi nhánh Cần Thơ	-	216.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thiên Tân	5.320.000	5.320.000
Các khách hàng khác	5.308.147	27.799.086
Cộng	**28.449.830**	**266.940.769**

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm			Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Bù trừ lợi thế vị trí địa lý	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	634.686.367		4.446.393.170	(4.714.222.476)	-	366.857.061	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.074.665.706	-	851.417.938	(1.709.900.198)	-	216.183.446	-
Thuế thu nhập cá nhân		731.149	202.279.005	(202.017.528)	-	-	469.672
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	645.162.910	1.517.895.680	-	(872.732.770)	-	-
Các loại thuế khác	-	-	21.859.500	(21.859.500)	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	104.920.000	(104.920.000)	-	-	-
Cộng	**1.709.352.073**	**645.894.059**	**7.144.565.293**	**(6.752.919.702)**	**(872.732.770)**	**583.040.507**	**469.672**

Thuế giá trị gia tăng
Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 0%; 5% và 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (năm trước thuế suất là 20%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.985.055.603	14.369.020.204
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	257.034.090	528.970.644
- Các khoản điều chỉnh giảm	(156.077.821)	-
Thu nhập chịu thuế	4.086.011.872	14.897.990.848
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗ các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	4.086.011.872	14.897.990.848
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	***817.202.374***	***2.979.598.170***
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	-	-
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	***34.215.564***	-
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	**851.417.938**	**2.979.598.170**

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất đối với diện tích 42.585,2 m^2 theo hợp đồng thuê đất số 52/HĐ.TĐ ngày 20 tháng 6 năm 2012, thời gian thuê 50 năm kể từ ngày 03 tháng 5 năm 2012 đến ngày 03 tháng 5 năm 2062, trong đó 3.885,4 m2 * đơn giá 56.000 đồng/m2/năm, còn lại 38.699,8 m2 * đơn giá 33.600 đồng/m2/năm.

Theo Công văn số 534/CT-THNVDT ngày 15 tháng 4 năm 2015 của Cục thuế tỉnh An Giang trả lời về việc khấu trừ lợi thế vị trí địa lý (lợi thế kinh doanh) của Công ty Cổ phần Cảng An Giang thì từ năm 2015 trở đi giá trị lợi thế vị trí địa lý được khấu trừ vào tiền thuê đất phải nộp hàng năm số tiền là 1.517.895.680 VND cho đến khi hết giá trị lợi thế vị trí địa lý này.

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Phải trả người lao động

Là tiền lương còn phải trả người lao động.

16. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến tổ chức khác		
Doanh thu dịch vụ nhận trước	477.272.726	204.545.450
Cộng	**477.272.726**	**204.545.450**

17. Phải trả khác

17a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	-	***16.500.000***
Thù lao Hội đồng quản trị	-	16.500.000
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	***587.392.042***	***594.853.039***
Phải trả cổ tức các cổ đông khác	16.480.000	2.520.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	570.912.042	592.333.039
Cộng	**587.392.042**	**611.353.039**

17b. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Tổng Công ty Hoà Bình Minh – Chi nhánh Cần Thơ – Tiền đặt cọc thuê kho	216.000.000	-
Cộng	**216.000.000**	**-**

18. Vay và nợ thuê tài chính

18a. Vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác		
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.18b)	818.250.000	818.250.000
Cộng	**818.250.000**	**818.250.000**

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	818.250.000	818.250.000
Số tiền vay đã trả	(818.250.000)	(818.250.000)
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	818.250.000	818.250.000
Số cuối năm	**818.250.000**	**818.250.000**

18b. Vay dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn phải trả tổ chức khác		
Vay dài hạn ngân hàng	613.187.500	1.431.437.500
Vay Ngân hàng TMCP Quân đội - chi nhánh An Giang	*613.187.500*	*1.431.437.500*
Cộng	**613.187.500**	**1.431.437.500**

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Các khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội - chi nhánh An Giang để bổ sung vốn thanh toán mua tài sản cố định với lãi suất 8%/năm từ ngày 30/09/2015 - 30/09/2016, sau thời gian trên, lãi suất được xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm dân cư kỳ hạn 12 tháng loại trả sau xác định tại ngày điều chỉnh lãi suất cộng với biên độ lãi suất 2%/năm, thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh số V.9).

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	818.250.000	818.250.000
Trên 1 năm đến 5 năm	613.187.500	1.431.437.500
Trên 5 năm	-	-
Cộng	**1.431.437.500**	**2.249.687.500**

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Quân đội - chi nhánh An Giang như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.431.437.500	2.249.687.500
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(818.250.000)	(818.250.000)
Số cuối năm	**613.187.500**	**1.431.437.500**

18c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Trích quỹ trong năm	Hoàn nhập quỹ trong năm	Chi quỹ trong năm	Điều chỉnh khác (*)	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	552.182.663	-	-	(533.690.000)	-	18.492.663
Quỹ phúc lợi	216.804.093	184.352.584	-	(436.205.600)	35.048.923	-
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	108.315.845	-	(538.741)	(108.000.000)	222.896	-
Cộng	**877.302.601**	**184.352.584**	**(538.741)**	**(1.077.895.600)**	**35.271.819**	**18.492.663**

(*) Khoản chi vượt Quỹ phúc lợi, Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành được trình bày ở Mục V.5.

20. Vốn chủ sở hữu

20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ Đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	138.000.000.000	3.828.507.990	12.012.625.479	153.841.133.469
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	11.389.422.034	11.389.422.034
Trích quỹ trong năm trước	-	572.164.804	(1.830.927.372)	(1.258.762.568)
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	(11.730.000.000)	(11.730.000.000)
Số dư cuối năm trước	**138.000.000.000**	**4.400.672.794**	**9.841.120.141**	**152.241.792.935**
Số dư đầu năm nay	138.000.000.000	4.400.672.794	9.841.120.141	152.241.792.935
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	3.133.637.665	3.133.637.665
Hoàn nhập quỹ năm nay	-	(2.693.702)	3.232.443	538.741
Trích quỹ trong năm nay	-	-	(184.352.584)	(184.352.584)
Chia cổ tức trong năm nay	-	-	(9.660.000.000)	(9.660.000.000)
Số dư cuối năm nay	**138.000.000.000**	**4.397.979.092**	**3.133.637.665**	**145.531.616.757**

20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn điều lệ đã góp (VND)	Vốn điều lệ còn phải góp (VND)
	VND	Tỷ lệ (%)		
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	73.116.000.000	52,98	73.116.000.000	-
Các cổ đông khác	64.884.000.000	47,02	64.884.000.000	-
Cộng	**138.000.000.000**	**100**	**138.000.000.000**	-

20c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.800.000	13.800.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	13.800.000	13.800.000
- *Cổ phiếu phổ thông*	*13.800.000*	*13.800.000*
- *Cổ phiếu ưu đãi*	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- *Cổ phiếu phổ thông*	-	-
- *Cổ phiếu ưu đãi*	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.800.000	13.800.000
- *Cổ phiếu phổ thông*	*13.800.000*	*13.800.000*
- *Cổ phiếu ưu đãi*	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

20d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2016 theo Nghị quyết số 07/2017/NQ-ĐHĐCĐ Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 ngày 09 tháng 6 năm 2017 như sau:

	Số được phân phối	Số đã tạm phân phối trong năm 2016	Số phân phối trong năm nay
• Chia cổ tức cho các cổ đông	9.660.000.000	-	9.660.000.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển (5% lợi nhuận)	569.471.102	572.164.804	(2.693.702)
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (11,67% lợi nhuận)	1.328.682.191	1.144.329.607	184.352.584
• Trích quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành (1% lợi nhuận)	113.894.220	114.432.961	(538.741)

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

21a. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền bao gồm 4.217,02 USD (số đầu năm là 4.230,20 USD).

21b. Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối năm	Số đầu năm	Nguyên nhân xóa sổ
	VND	VND	
Vosa Cần Thơ	35.746.216	35.746.216	Công nợ phát sinh từ trước năm 1992, khách hàng từ chối thanh toán.
Nguyễn Văn Bưởi	4.681.280	4.681.280	Công nợ phát sinh từ năm 1992, không còn liên hệ được địa chỉ của khách hàng.
Công ty Văn Lang	1.677.000	1.677.000	Công nợ phát sinh từ năm 1995, không còn liên hệ được địa chỉ của khách hàng.
Cục hàng hải Việt Nam	6.044.774	6.044.774	Công nợ phát sinh từ năm 1994, không thu hồi được.
Tàu Trần Đề	7.457.000	7.457.000	Công nợ phát sinh từ năm 1996, không còn liên hệ được địa chỉ của khách hàng.
Công ty Vận tải biển Tài chính	7.207.983	7.207.983	Công nợ phát sinh từ năm 2005, không còn liên hệ được địa chỉ của khách hàng.
Phòng kinh doanh Xây dựng Hàng hải	2.677.340	2.677.340	Công nợ phát sinh đã lâu, do bộ phận kế toán thay đổi không bàn giao.
Nguyễn Văn Liêu	3.525.388	3.525.388	Con nợ không có khả năng thanh toán nợ.
Huỳnh Văn Linh	1.000.000	1.000.000	Không tìm được địa chỉ của đối tượng nợ.
Sáu Mẫu	1.915.750	1.915.750	Nợ phát sinh đã lâu không liên hệ được địa chỉ
Trịnh Thị Hưởng	13.468.262	13.468.262	Công nợ phát sinh từ năm 2000, không có khả năng thanh toán.
Từ Huân Tước	1.600.000	1.600.000	Không tìm được địa chỉ của đối tượng nợ.
Tô Xuân Thái	1.500.000	1.500.000	Công nợ phát sinh từ năm 2000, không liên hệ được địa chỉ.
Công ty Công trình Giao thông An Giang	3.192.000	3.192.000	Công nợ phát sinh từ năm 2006, đơn vị đã giải thể
Võ Thắng Lợi	2.281.600	2.281.600	Công nợ phát sinh năm 2006, không còn hồ sơ gốc.
Công ty Nam Hưng	3.422.000	3.422.000	Công nợ phát sinh năm 2003, đối tượng nợ không thanh toán.
Cộng	**97.396.593**	**97.396.593**	

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	12.939.231.129	11.293.727.562
Doanh thu cung cấp dịch vụ	54.897.581.603	70.951.591.120
Cộng	**67.836.812.732**	**82.245.318.682**

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty chỉ phát sinh giao dịch cung cấp dịch vụ cho thuê mặt bằng bãi với bên liên quan là thành viên Hội đồng quản trị trong năm 2017 là 54.545.455 VND (năm trước là 54.545.455 VND).

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	11.510.554.865	9.993.400.918
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	41.094.645.224	47.172.569.106
Cộng	**52.605.200.089**	**57.165.970.024**

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	1.002.777.775	1.219.500.000
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	29.317.215	38.542.377
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	1.883.385
Cộng	**1.032.094.990**	**1.259.925.762**

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	171.358.595	223.055.643
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	63.550	763.707
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	147.671	-
Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư	(119.644.394)	-
Cộng	**51.925.422**	**223.819.350**

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	857.855.306	967.670.117
Chi phí vật liệu, bao bì	54.449.886	49.851.098
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	9.596.668	12.252.690
Chi phí khấu hao tài sản cố định	112.862.148	122.584.845

	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	148.762.918	75.805.176
Các chi phí khác	165.783.726	97.579.682
Cộng	**1.349.310.652**	**1.325.743.608**

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	3.852.658.713	5.543.974.819
Chi phí vật liệu quản lý	185.114.894	205.855.693
Chi phí đồ dùng văn phòng	87.667.809	166.555.018
Chi phí khấu hao tài sản cố định	392.317.568	375.055.668
Thuế, phí và lệ phí	1.891.646.445	217.657.209
Dự phòng phải thu khó đòi	503.139.225	203.174.906
Chi phí dịch vụ mua ngoài	709.362.858	610.838.862
Phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh	1.688.184.494	732.683.040
Các chi phí khác	1.691.536.523	2.218.134.489
Cộng	**11.001.628.529**	**10.273.929.704**

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu phí, lệ phí chuyển nhượng cổ phần	-	450.000
Thu cát nạo vét công trình	125.730.000	-
Thu nhập khác	20.368.992	41.278.507
Cộng	**146.098.992**	**41.728.507**

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Thuế bị phạt, bị truy thu	6.843.113	1.215.588
Lãi chậm nộp cổ tức cho SCIC	-	13.699.129
Chi phí	15.043.306	173.575.344
Cộng	**21.886.419**	**188.490.061**

9. Lãi trên cổ phiếu

9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.133.637.665	11.389.422.034
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành (*)	(397.031.892)	(1.442.576.411)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	2.736.605.773	9.946.845.623
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	13.800.000	13.800.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	**198**	**721**

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành năm nay được tạm tính theo tỷ lệ trích lập năm 2016.

9b. Thông tin khác

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Việc áp dụng quy định mới này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước giảm từ 734 VND xuống còn 721 VND.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.494.725.313	7.380.891.964
Chi phí nhân công	26.582.513.128	31.686.606.523
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.963.228.580	7.679.557.974
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.493.838.150	7.391.140.666
Chi phí khác	4.911.279.234	4.634.045.291
Cộng	**53.445.584.405**	**58.772.242.418**

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty chỉ phát sinh giao dịch cung cấp dịch vụ cho thuê bãi với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt đã trình bày VII.1b.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt trình bày tại các thuyết minh số V.3 và V.17a.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	941.405.792	1.435.153.297
Phụ cấp	40.680.000	53.640.000

	Năm nay	Năm trước
Tiền thưởng	70.585.715	150.800.000
Thù lao	330.000.000	325.500.000
Cổ tức nhận được	373.730.000	455.345.000
Cộng	**1.756.401.507**	**2.420.438.297**

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước	Cổ đông lớn

Giao dịch với các bên liên quan khác

	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước		
Phân phối cổ tức	5.118.120.000	-

Công nợ với các bên liên quan khác

Công ty không có công nợ với các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh dịch vụ bốc xếp hàng hoá, kho bãi. Ngoài ra, hoạt động kinh doanh khác chủ yếu là mua bán nhiên liệu, doanh thu từ hoạt động khác chỉ chiếm tỷ trọng khoảng 19% trong tổng doanh thu trong năm 2017. Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh được trình bày tại thuyết minh số VI.1a và VI.2.

Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

An Giang, ngày 27 tháng 01 năm 2018

Lâm Ngọc Sương	Nguyễn Văn Cơ	Bùi Thành Hiệp
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

An Giang, ngày 22 tháng 03 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG

Tổng Giám đốc

M.S.D.N: 1600125107 C.T.C.P CÔNG TY CP CẢNG AN GIANG TP. LONG XUYÊN - T. AN GIANG
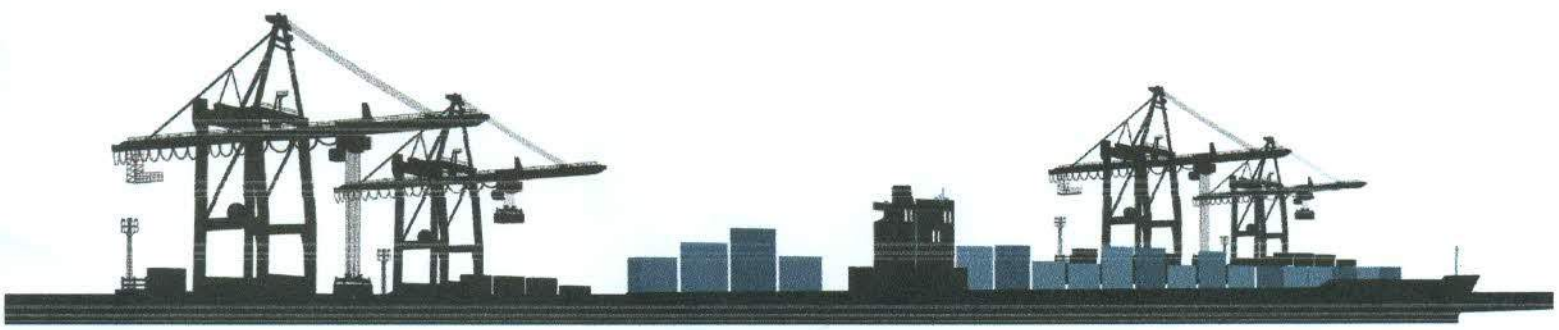
BÙI THÀNH HIỆP